

**THÍCH THÁI HÒA**

**MỘT THỜI LÀM ĐIỀU**

**Nhà Xuất Bản Hồng Đức**



Một Thời Làm Điệu .....	3
-------------------------	---

## MỤC LỤC

Chết trong sự sống.....	5
Trò chơi và lời tiên tri.....	8
Quét và cỏ là lá.....	10
Tiếng chuông đã ngân tròn.....	14
Thi kệ đầu tiên.....	17
Phật tâm trên cát.....	21
Quán tâm Phật.....	25
Quán phật tâm.....	28
Quán tâm.....	32
Rau Rớn ven bờ.....	37
Bây giờ chú ở đâu?.....	40
Từ thuở ấy.....	42
Bao gạo Thầy tôi.....	44
Diệu pháp năm xưa.....	45
Thế trí biện thông.....	48
Tâm ở đâu?.....	49
Trái mít ân tình.....	50
Chiếc nón lá.....	51

Thi kệ năm xưa.....	53
Vị thầy như thế.....	58
Phật sự.....	61
Ít bận tâm.....	64
Về một bài thơ.....	66
Dư báo phải trả.....	71
Thi kệ cuối cùng.....	73
Một thời lại được thăng hoa.....	75
Tâm và hình khác đời.....	79
Làm hưng vượng dòng dõi bậc thánh.....	100
Nhiếp phục ma quân.....	113
Nghĩ đến công ơn tương quan.....	125
Phát khởi bản nguyện cứu giúp ba cõi.....	141
Không phải là phật giáo.....	157
PHỤ MỤC.....	170
Vị thầy của nhiều thế hệ.....	170
Giữ tâm bình thường.....	175
Giây bìm bị cắt.....	177
Thầy Châu Lâm còn đó.....	181
Tướng Niệm Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Lương Phương Viện Chủ Tự Viện Phước Duyên – Huế (1933 - 2022).....	189

### *Chết trong sự sống*

Bấy giờ, tôi khoảng chín tuổi, một hôm đi xem đưa đám tang ông Võ Hờ trong xóm, thấy mọi người đi sau đám tang đều khóc nức nở và tức tối. Thấy họ khóc, tôi cũng khóc, nhưng bấy giờ tôi không biết tại sao tôi lại khóc như vậy.

Đến khi về nhà, tôi hỏi mẹ tôi rằng, mẹ có chết không? Mẹ tôi nói, mẹ rồi cũng chết, nhưng chừ thì chưa. Tôi lại hỏi tiếp, mẹ chết, còn ba có chết không? Mẹ tôi trả lời, ba cũng chết. Tôi hỏi ba mẹ chết hết, con sống với ai? Mẹ tôi có vẻ xúc động và im lặng. Tôi hỏi tiếp, thế thì mai một con lớn rồi, con cũng chết như ông Hờ phải không? Mẹ tôi nói, đâu có phải lớn mới chết, có khi nhỏ cũng chết. Tôi lại hỏi vì do đâu mà có chết mẹ? Mẹ tôi chỉ nhìn tôi rồi cười, mà không trả lời, sau

đó mẹ tôi nói, trưa nay ba đi làm việc về, rồi con sẽ hỏi ba.

Ba tôi đi làm việc về, tôi hỏi ba tôi rằng, tại sao ông Hờ chết vậy ba? Ba tôi nói, ông già thì ông chết thôi, có gì đâu mà hỏi. Như vậy, ông Hờ chết là do già, vậy do đâu mà ông Hờ già hả ba? Ba tôi trả lời là do ông có sinh ra trên đời này. Rồi, ba tôi lại hỏi tôi, con còn nhỏ, hỏi mấy chuyện ấy để làm gì? Tôi trả lời là để biết. Ba tôi bảo tôi xuống hỏi mẹ, còn ba chỉ trả lời ngang đó thôi. Tôi thưa, con đã hỏi mẹ rồi, mẹ nói đâu có phải già mới chết, trẻ cũng chết mà, con hỏi tại sao? Mẹ bảo con chốc nữa, ba đi làm việc về thì hỏi ba, còn mẹ chỉ trả lời ngang đó thôi.

Như ba tôi trả lời, già mà chết, thì ai cũng dễ hiểu, nhưng “trẻ cũng chết”, câu nói ấy của mẹ tôi, đã đánh động cái tò mò của tôi, khi tôi mới chín tuổi. Và sau khi xuất gia làm chú đệ, nhờ

Thầy tôi dạy, tôi mới nhận ra được điều này. Thầy dạy: “Cái chết có ngay trong cái sống, vậy mấy điều phải siêng năng tu học, đừng để đời mình trôi qua trong từng giây phút của cái chết và cái sống một cách oan uổng”.

Lời Thầy dạy năm xưa, bây giờ mỗi khi ngồi ngẫm lại thấy thấm thía làm sao! Quả thật như vậy: “Nếu ta sống và chết trong ngũ dục, thì sự sống và cả sự chết của ta đều là oan uổng, chứ không phải chỉ có chết mới oan uổng, mà sống không oan uổng đâu nhé!”.

### *Trò chơi và lời tiên tri*

Năm tôi học lớp nhì (nay là lớp bốn), trường làng, giờ giải lao, Thầy giáo bảo, trong lớp có em nào có khả năng ngồi yên để cho những người khác vọc mà không cười?

Nhiều học sinh giơ tay, trong đó có tôi. Những người giơ tay lần lượt lên ngồi ngay giữa lớp để cho những người có khả năng vọc cười, tìm đủ mọi cách làm cho người ngồi yên ấy phải bật cười.

Trong những người ngồi yên ấy, không ai là không bị bật cười, bởi những người có khả năng vọc người khác cười ấy họ có khả năng vọc cười một cách thiện xảo, chỉ có mình tôi là bất động từ đầu đến cuối.



Thầy giáo tuyên bố trong cuộc chơi này, em Trí (tên của tôi) thành công. Và Thầy giáo còn nói, em Trí có khả năng làm Thầy tu trong tương lai.

Như vậy, theo Thầy giáo tôi ngày ấy, cho rằng: Thầy tu phải là người có khả năng ngồi bất động trước những ồn ào và giễu cợt của mọi người.

### *Quét và cỏ là lá*

Học xong tiểu học, tôi xin cha mẹ xuất gia, cha mẹ tôi đồng ý và đưa tôi đến chùa Phước Duyên-Huế, xin Thầy trú trì cho tôi được xuất gia. Được Thầy tôi đồng ý mà không có điều kiện nào cả, bấy giờ tôi và cha mẹ tôi hết sức vui mừng.

Cha mẹ tôi ký thác tôi cho Thầy, rồi lạy Thầy, chào ra về và dặn tôi: "Tu là khó lắm, con đã ưa, thì phải cố gắng làm cho được, và ba mẹ cũng cố gắng tu để giúp con. Và con phải luôn luôn biết vâng lời Thầy dạy. Thầy là người cha tinh thần đó nghe không. Con hãy gắng lên, ba mẹ về nhé!".

Tôi rướm rướm nước mắt, chấp tay tiễn đưa cha mẹ ra khỏi cổng chùa và đứng yên lặng đưa mắt dõi nhìn theo cha mẹ với hai tâm trạng: một

tâm trạng ưa tu, và một tâm trạng còn tiếc tiếc, cho đến khi cha mẹ đi khuất dạng, tôi từ cửa tam quan đi vào, Thầy bảo, Trí lấy chổi quét sân chùa đi con!

Như vậy, bước đầu hành điệu của tôi là quét lá sân chùa.

Ở nhà tôi chưa bao giờ cầm chổi và quét nhà và sân, kể cả giặt áo quần, vì tất cả việc ấy đều có các chị tôi, còn tôi chỉ biết ăn, học, chơi và nghịch.

Vì là chưa bao giờ cầm chổi để quét, nên từ cách cầm chổi đến cách quét rác đều là lúng túng, nên Thầy tôi đã dạy cho tôi bài học hành điệu đầu tiên là quét.

Thầy tôi dạy cho tôi cách cầm chổi và cách quét, phải đưa những lát chổi nhanh, mềm và nhẹ, không nên quét ngược gió, quét lá đến những chỗ thấp un lại và hốt đổ sau vườn chè để làm phân cho cây.

Lại nữa, mỗi khi quét là phải quét từ chỗ cao đến chỗ thấp, để những chỗ thấp ấy lâu ngày cũng biến thành chỗ cao, để sân chùa không còn có chỗ cao thấp, nhìn vào thấy đẹp nghe không Trí!

Nghe lời Thầy dạy, trong lòng rộn lên những nỗi vui mừng, vì ở nhà có khi nào mình được cha mẹ dạy cho mình cách quét rác này đâu, ngay cả năm năm học ở trường làng cũng không nghe Thầy cô nào dạy cho mình quét sân quét nhà kiểu này cả.

Tôi vui sướng và thực tập mỗi ngày, thỉnh thoảng nổi nhớ nhà gợn lên trong tâm, tôi hát nghêu ngao, lát chổi không chủ động, Thầy tôi nhìn thấy vậy và hỏi: Trí, một tuần rồi con quét rác đã được chưa? Tôi bỏ chổi xuống, chấp hai tay, dạ bạch Thầy, tạm được.

Thầy cười và nói: "được đâu mà được, còn lâu lắm con ạ".

Một tuần sau nữa, Thầy lại hỏi tôi: Trí quét chùa đã sạch chưa con? Tôi chấp tay cúi đầu và thưa. Kính bạch Thầy, dạ sạch!

Thầy cười và nói: "sạch đâu mà sạch". Nghe Thầy dạy, tôi nhìn lui, nhìn tới, nhìn qua, nhìn về trên sân chùa không còn một chiếc lá nào, mà sao Thầy nói với mình sân chùa chưa sạch.

Biết ý tôi băn khoăn, Thầy dạy: "Trên sân chùa mới sạch lá, chứ đâu đã sạch cỏ. Sân chùa có cỏ làm sao gọi là sân chùa sạch được. Trước sân chùa, cỏ cũng là lá đó con à!".

Như vậy, mới ở chùa hành điệu một tuần, tôi đã học đến hai bài học-một là "quét"; và một bài học "cỏ là lá". Hai bài học thật hết sức thực tế và thâm trầm.

### *Tiếng chuông đã ngân tròn*

Như vậy, mỗi ngày qua là mỗi ngày tôi cầm chổi quét lá và nhổ cỏ sân chùa. Tối hôm ấy, Thầy gọi tôi lên phương trượng và dạy tôi cách thỉnh chuông.

Thầy ngồi đó, thật yên lặng và trao cho tôi dùi chuông gia trì rồi bảo tôi đánh vào cái chuông.

Tôi lúng túng và đánh theo bản năng. Nghe tiếng chuông, Thầy cười và nói: "Đánh chuông như vậy, thì chuông cũng sợ và người nghe chuông cũng hư lỗ tai".

Thầy dạy: "Trước khi thỉnh tiếng chuông, con phải đứng thật yên lặng hay ngồi thật yên lặng, tập trung tâm ý lại, theo dõi ba hơi thở vào và ra thật sâu, sau đó chấp tay vái, nắm dùi chuông lên, với ý thức rõ ràng, đưa dùi chuông chạm nhẹ vào

chuông để thức chuông, sau đó đưa dùi đánh nhẹ vào chuông, và chuông sẽ ngân lên tiếng.

Rồi ta phải tập trung tâm ý để theo dõi tiếng chuông ngân lên ngắn hay dài, âm phát ra thanh hay đục, tiếng ngân là tròn hay chưa tròn.

Thầy dạy: thính chuông là cả một công phu tu tập. Nếu ta thính chuông với tâm như thế nào, thì tiếng chuông sẽ phản hồi đúng như tâm ta vậy.

Ta thính chuông với tâm vội vã, thì tiếng chuông cũng vội vã như tâm ta vậy; ta thính chuông với tâm trầm thắm, sâu lắng, thì tiếng chuông ngân lên cũng sâu lắng, trầm thắm như tâm ta vậy. Ta thính chuông với tâm nguyện rộng lớn, thì tiếng chuông ngân lên lan xa và rộng lớn như tâm ta vậy, và ta thính chuông với tâm ý thức trọn vẹn, thì tiếng chuông ngân lên cũng toàn vẹn như tâm ta vậy.

Nên, con hãy thực tập thỉnh chuông mỗi ngày”.

Như vậy, mỗi ngày đi qua là mỗi ngày tôi thực tập thỉnh chuông gia trì và đại hồng chung sớm tối.

Sau một thời gian thực tập, Thầy tôi gọi tôi và dạy: "Tiếng chuông gia trì và đại hồng chung điệu thỉnh đúng xa nghe đã tròn".

Nghe lời Thầy dạy, trong lòng vui mừng đầy khích lệ, nhưng thật ra chưa đủ để tự tin.



*Thi kệ đầu tiên*

Đáng lẽ Thầy trao cho tôi thi kệ đầu tiên là "Tảo Giác" (dậy sớm), để học thuộc lòng và thực tập, nhưng không. Thầy lại trao cho tôi bài kệ đầu tiên ở trong "Mông Sơn Thí Thực" và buộc học thuộc lòng. Bài kệ ấy là:

若人欲了知  
三世一切佛  
應觀法界性  
一切唯心造”

"Nhược nhơn dục liễu tri  
tam thế nhất thiết Phật  
Ứng quán pháp giới tánh  
Nhất thiết duy tâm tạo".

Nghĩa là:

Nếu người nào muốn biết  
Tất cả Phật ba đời  
Nên nhìn tính vũ trụ  
Tâm tạo thành tất cả.

Thi kệ Thầy trao buổi sáng là buổi chiều phải thuộc nhuần nhuyễn để trả bài.

Bấy giờ, quét lá, nhổ cỏ, gánh nước, dọn com, rửa chén bát, thỉnh chuông, lau bàn ghế... hay làm bất cứ công việc gì, tôi đều phải lẩm nhẩm trong miệng cho thuộc.

Tôi lại gọi lên dò thi kệ, Thầy hỏi: Điều đã thuộc thi kệ chưa? Bạch Thầy, con đã thuộc. Đọc đi xem! Tôi đọc thuộc lòng nhuần nhuyễn, nhưng Thầy gạn lại và hỏi: Điều học thuộc lòng chưa vậy, trong đó điều có biết chữ "Phật" nằm câu mấy? Tôi ngần ngại, Thầy cười và nói: Xuống học tiếp, tối mai trả bài.

Đúng, tối mai trả bài, Thầy không hỏi tôi chữ "Phật" mà Thầy hỏi tôi chữ "quán" nằm câu mấy trong bài kệ? Tôi lại ngần ngại, Thầy cười và nói: "Điệu thấy chưa, thuộc mà chưa thuộc".

Thầy dạy: Xuống học tiếp, tối mai dò lại nghe chưa.

Đúng, tối mai dò bài, Thầy không hỏi tôi chữ "Phật" và chữ "quán", mà Thầy hỏi tôi chữ "tâm" nằm ở đâu? Tôi nói ngay và bạch Thầy: Chữ "tâm" nằm chữ thứ tư trong câu thứ tư.

Thầy tôi lắc đầu và nói: "Chưa thuộc bài, đi xuống hỏi các sư huynh, khi nào điệu cảm thấy thuộc bài thì lên gặp".

Tôi vái Thầy đi lui và suy nghĩ không biết thuộc bài là thuộc cái gì nữa?

Ba ngày sau, Thầy gọi lên, dò tiếp bài kệ. Thầy hỏi: Điệu đã thuộc bài kệ chưa? Tôi đứng chấp tay im lặng. Thầy nói: Điệu đọc bài kệ và dịch nghĩa nghe xem. Tôi dạ, liền đọc thuộc lòng

bài kệ và dịch nghĩa cho Thầy nghe, giống như Thầy đã từng dịch. Thầy không khen, không chê mà lại hỏi: Trong bài kệ ấy chữ "nhân" nằm ở đâu? Tôi dạ, và bạch Thầy: Nằm thứ hai trong câu đầu. Thầy cười và nói: Điệu chưa thuộc bài đầu nhé, phải học bài kệ ấy cho thuộc và Thầy nói: Điệu xuống xúc cát đổ vào nơi cái khay đem lên đây, Thầy dạy cho mà học.

Vái Thầy để lui. Vừa đi tôi lại vừa suy nghĩ: Học gì mà học cát ở nơi khay, lạ nhỉ?

Đúng, bây giờ tôi chẳng hiểu một tí ý gì của Thầy dạy cả.

Tôi cố gắng đem cái học và cái thông minh ở đời để hiểu lời Thầy dạy, nhưng chẳng hiểu được cái gì. Cái học ngoài đời, cái học trong đạo, cái dạy ngoài đời, cái dạy trong đạo khác nhau quá mức, vừa đi tôi vừa suy nghĩ như thế, với tâm trạng của một chú điệu đầy háo hức và tò mò!

*Phật tâm trên cát*

Vâng lời Thầy, tôi xuống xúc cát đổ vào một cái khay và đem lên trình Thầy, với tâm đầy háo hức.

Bài kệ đầu tiên ấy, Thầy viết bằng chữ Hán trên giấy, từng nét chữ rõ ràng trao cho tôi và nói:

Điệu hãy nhìn đây, bắt chước mà viết. Viết bên trái trước, bên phải sau, trên trước dưới sau, trong trước ngoài sau. Và Thầy liền lấy ngón tay viết ngay chữ Phật và chữ Tâm trên cát cho tôi xem, rồi Thầy lại xóa và viết tiếp chữ Nhân và chữ Tâm cho tôi xem, rồi Thầy lại viết tiếp chữ Quán Phật cho tôi xem, rồi Thầy lại xóa và lại viết chữ Quán Tâm cho tôi xem, rồi Thầy lại xóa và hỏi điệu đã biết cách viết chưa?

Tôi dạ và thưa Thầy rằng: Con thấy chữ

Quán = 觀, sao viết nhiều nét khó nhớ và khó viết quá!

Thầy cười và nói: Mới viết không mà thấy đã khó, huống chi mà "Quán"! Nhưng, không sao, chẳng có gì khó cả, nếu đã quyết tâm!

Tôi dạ, Thầy nói: Điều hãy bung khay cát vào phòng, ngồi yên lắng một mình để tập viết và học đi!

Vâng lời Thầy, tôi bung khay cát vào phòng ngồi một mình và bắt đầu đưa ngón tay viết chữ trên cát, miệng lầm bầm "Phật" rồi xóa, cứ như thế tay tôi viết "Phật", mắt tôi nhìn Phật, rồi đưa tay xóa cát; và đến lượt chữ "tâm" cũng vậy; rồi tôi ghép hai chữ "Phật" và "tâm" lại với nhau. Tay tôi viết "Phật tâm", mắt tôi nhìn "Phật tâm", miệng tôi lầm bầm "Phật tâm"; Phật tâm, Phật tâm..., rồi xóa đi và viết lại.

Cứ như vậy mà viết, càng viết thấy lòng mình càng vui, thấy tay mình càng nhuần và chữ mình càng đẹp so với bước khởi đầu.

Và tôi lại viết ghép ngược lại, thay vì viết "Phật tâm", tôi lại viết "Tâm Phật", tay tôi viết "Tâm Phật", mắt tôi nhìn "Tâm Phật", miệng tôi lẩm bẩm "Tâm Phật", cứ như vậy, hết viết đến xóa, hết xóa đến viết không biết bao nhiêu lần!

Trong quãng đời hành điệu, Thầy tôi đã dạy tôi viết "Phật tâm" trên cát, tôi không những vâng lời Thầy viết "Phật tâm" mà còn viết ngay cả "Tâm Phật" trên cát để cúng dường Thầy nữa.

Phật tâm và tâm Phật đã gắn liền quãng đời hành điệu của tôi.

Quãng đời ấy, là quãng đời của tôi có thật, nhưng xin quý vị đọc mà đừng tin, vì sự kiện ấy là của một thời đi qua, nó đã trở thành nắng mưa, sương gió và mây trời đang rong chơi giữa cõi vô

cùng, mà thực tại hiện tiền là quý vị đang đọc tôi viết "Phật tâm và tâm Phật" trên giấy mà không phải là trên cát!!!



### *Quán tâm Phật*

Rồi, một tuần sau Thầy gọi tôi lên phương trượng và hỏi: Điệu đã thuộc bài thi kệ ấy chưa? Tôi chấp tay cúi đầu và thưa: Dạ bạch Thầy con đã thuộc.

Thầy dạy: Điệu đọc đi xem. Tôi chấp tay, cúi đầu và đọc thuộc lòng bài thi kệ ấy.

Thầy cười và hỏi: Con thuộc rồi à? Tôi đứng im lặng. Thầy nói: Trong bài thi kệ ấy, con có thấy ba chữ "quán tâm Phật" không? Tôi thưa: Dạ, có. Thầy hỏi: điệu thấy cái gì trong ba chữ đó? Tôi chấp tay đứng im lặng, Thầy cũng ngồi im lặng, không khí im lặng thật kinh hồn.

Sau đó, Thầy giải thích và dạy cho tôi "quán tâm Phật".

Thầy nói: Quán là nhìn sâu vào đề thấy.

Nghĩa là mình muốn nhìn thấy cái gì, thì mình hãy nhìn sâu vào bản chất của cái ấy để thấy, chứ không phải dừng lại cái thấy ở bên ngoài. Nếu nhìn ở bên ngoài để thấy và dừng lại ở nơi cái thấy bên ngoài ấy thì không phải là "quán". Còn "tâm Phật" là Phật ở nơi tâm mình, Phật luôn luôn có mặt ở nơi tâm mình.

Vậy, "quán tâm Phật" là nhìn thấy Phật ở nơi tâm mình. Nhờ nhìn thấy Phật ở trên chùa mỗi khi tụng kinh, lay Phật, thỉnh chuông, nên từ đó mà được nhìn thấy Phật ở trong tâm mình, thấy Phật trong tâm là nhờ nhìn thấy Phật ở bên ngoài. Và nếu chạy theo hay dừng lại nơi Phật ở bên ngoài mà chưa nhìn thấy Phật bên trong, là chưa phải "quán tâm Phật".

Nên, "quán tâm Phật" là nương nơi cái thấy Phật bên ngoài để thấy Phật bên trong tâm, đó là người biết "quán tâm Phật".

Vậy, điều làm bất cứ cái gì, cũng thấy cả phật bên ngoài và phật bên trong nghe chưa? Tôi chấp tay, dạ. Thầy xoa đầu và bảo, điều xuống nấu ăn và thực tập đi.

Tôi cúi đầu vái Thầy lui ra, xuống bếp sửa soạn nấu ăn, làm cái gì tôi cũng lầm nhằm "quán tâm phật" là thấy phật bên ngoài, thấy phật bên trong.

Rửa chén bát, giặt áo quần, quét sân, nhổ cỏ hay tưới cây, tôi đều lầm nhằm "quán tâm phật" là thấy phật bên ngoài, thấy phật bên trong.

### *Quán phật tâm*

Rồi, một buổi chiều, Thầy tôi gọi tôi lên dò bài. Thầy hỏi: Điều đã thuộc bài "quán tâm phật" chưa? Tôi trả lời: dạ, con đã thuộc. Nói đi xem. Tôi chấp tay cúi đầu và nói lại y nguyên những gì hôm ấy mà Thầy đã dạy cho tôi

Thầy nghiêm mặt lại và nói với tôi rằng: Điều có biết con vẹt không? Tôi dạ và đứng im lặng.

Thầy hỏi: Điều học thuộc lòng bài kệ ấy, điều có nhìn thấy trong bài kệ ấy có ba chữ "quán phật tâm" không? Tôi thưa: bạch Thầy dạ có.

Thầy hỏi: điều có hiểu ba chữ "quán phật tâm" không?

Tôi thưa: dạ không.

Thầy nói: quán phật tâm là nhìn sâu vào tâm của phật để thấy phật. Ta tin phật, ta tu theo phật là

ta phải nhìn sâu vào cái tâm của Ngài để biết rõ cái tâm nào đã tạo ra phật, đã tạo ra đời sống của Ngài.

Thầy nói: quán phật tâm là nhìn sâu vào tâm của phật, để thấy tâm của Ngài là tâm từ bi, nên ngài không bao giờ giết hại chúng sanh mà thương yêu và bảo vệ hết thảy chúng sanh.

Vậy, điều tin phật và tu theo phật, thì nguyện từ nay về sau không sát hại chúng sanh nghe chưa. Tôi dạ.

Thầy nói: quán phật tâm là nhìn sâu vào tâm của phật, để thấy rõ tâm của ngài là tâm bình đẳng, nên không tham lam bất cứ cái gì, không lấy bất cứ tài sản của ai để làm của riêng cho mình. Ngài luôn luôn tôn trọng và bảo vệ tài sản cho tất cả mọi loài.

Vậy, điều tin phật và tu theo phật thì nguyện từ nay về sau không có trộm cắp bất cứ cái gì của ai nghe chưa. Tôi dạ.

Thầy nói: quán tâm phật là nhìn sâu vào tâm của phật, để thấy rõ tâm của ngài là tâm đốn nghiêm chánh trực, nên ngài không có tâm dâm dục mà còn có tâm đem lại sự đốn nghiêm chánh trực cho mọi người.

Vậy, điều tin phật và tu theo phật, phải học tâm đốn nghiêm chánh trực của Ngài, mà nguyện từ nay về sau không có dâm dục nghe chưa. Tôi dạ.

Thầy nói: quán chiếu phật tâm là nhìn sâu vào tâm phật, để thấy rõ tâm Ngài là tâm chân thật, nên luôn luôn tôn trọng và bảo vệ sự thật mà không bao giờ nói lời dối trá.

Vậy, điều nguyện từ nay về sau không nói lời dối trá, mà luôn luôn nói lời chân thật nghe không. Tôi dạ.

Thầy nói: quán tâm phật là nhìn sâu vào tâm phật, để thấy rõ tâm Ngài là tâm trí tuệ, tâm

không còn mảy may sai lầm.

Vậy, điều tin phật và tu theo phật thì nguyện từ nay về sau, không uống rượu để tôn trọng và bảo vệ trí tuệ của mình, khiến cho mọi hành xử không bị thiếu sót nghe chưa. Tôi dạ.

Thầy dạy: điều phải học thuộc và thực hành năm phép "quán tâm phật" ấy, để bảo chứng cho đời tu của mình.

Điều tu học có thành công hay không thành công là từ nơi phép quán này và năm sự phát nguyện này.

Vậy, điều hãy xuống học và thực hành đi, khi nào cần thì Thầy sẽ gọi.

Tôi dạ, vái Thầy và bước lui, cảm thấy ấm lòng, vì sự hiểu biết của mình càng lớn và lớn rất nhanh, so với những ngày làm chim oanh vũ của gia đình phật tử Thành Công.

### *Quán tâm*

Mới tỉnh chuông sáng xong, Thầy gọi tôi vào phương trượng và hỏi: điều đã thuộc năm pháp "quán phật tâm" chưa? Tôi thưa "dạ, con đã thuộc. Thầy bảo tôi đọc đi xem. Tôi cũng đã đọc thuộc lòng như y nguyên hôm ấy Thầy dạy. Nhưng, lần này Thầy không bảo tôi là "vẹt" mà Thầy bảo "máy thu băng" của điều tốt, đừng cất giữ, gắng tiêu hóa.

Sau đó, Thầy hỏi trong bài kệ ấy, điều có thấy hai chữ "quán tâm" đến không?

Tôi thưa: dạ, có. Thầy hỏi: điều có hiểu không? Tôi chấp tay yên lặng.

Thầy nói: "quán tâm" là nhìn sâu vào tâm của mình để thấy trong tâm của mình có những hạt giống xấu và những hạt giống tốt.



Hạt giống tốt, thì phải biết nuôi dưỡng và phát triển. Như hạt giống từ bi, hạt giống thương người, thương vật, không tham lam, không sân hận, không si mê, không kiêu mạn, không cố chấp,... đó là những hạt giống tốt của tâm, biết nó tốt mà chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển.

Hạt giống xấu thì hạn chế không cho nó phát triển, như tham, sân, si là gốc rễ của tội lỗi, là gốc rễ của khổ đau, tất cả chúng nằm ở trong tâm của điệu, nên quán tâm là điệu phải nhìn thấy nó có mặt ở trong tâm điệu, nhưng tìm cách làm cho nó lắng yên, đừng để chúng điều khiển cái suy nghĩ của mình, cái lời nói và cái hành động của mình.

Rồi, Thầy đọc cho tôi bài thơ Thầy làm để khuyên người đoạn trừ tham, sân, si cho tôi nghe như sau:

Dục tình danh lợi chớ nên tham  
Sửa trí tu tâm thoát cảnh phàm  
Tội lỗi khuyên ai đừng sai phạm  
Căn nguyên khổ não bởi lòng tham.

Có thân ta phải biết tu thân  
Đức hạnh đòi trau sạch nợ trần  
Ngọn lửa giận hờn nên dập tắt  
Muôn điều hư hỏng bởi lòng sân.

Khuyên ai đường đạo gắng công đi  
Học hỏi chuyên cần phải xét suy  
Trí tuệ mỗi ngày nên sáng tỏ  
Xưa nay lầm lạc bởi lòng si.

Đọc xong, Thầy hỏi: diệu nghe đã thuộc chưa? Tôi dạ, con chưa thuộc.

Thầy nói: ba bài thơ ấy có viết nơi bức tường phía ngoài cửa hậu tổ, diệu đến đó chép lại và học

thuộc lòng nghe chưa.

Sáng nay, sau giờ thỉnh chuông tôi được Thầy gọi vào phương trượng dạy pháp quán tâm.

Thầy nói: quán tâm là phải nhìn thấy tâm ba mặt:

Mặt thứ nhất là phải thấy sự chuyển động của tâm đẩy ta đi về nẻo xấu ác để sinh khởi các cảm giác khổ đau.

Mặt thứ hai, là phải thấy sự chuyển động của tâm, đẩy ta đi về nẻo hiền thiện, để sinh khởi các cảm giác an lạc.

Và mặt thứ ba, là thấy tâm không chuyển động theo hai hướng ấy, nên trong ta có cảm giác trung tính.

Thầy dạy: quán tâm để thấy tâm theo mặt thứ ba là khó nhất, so với hai mặt kia.

Thầy bảo, điệu phải học thuộc và thực tập nghe chưa. Tôi chấp tay, cúi đầu vái Thầy, dạ và bước lui.

Ngày ấy, đi, đứng, nằm, ngồi,... làm việc gì tôi cũng thực tập nhìn tâm, nhưng không thấy tâm đâu cả, mà chỉ thấy những ý nghĩ lung tung, chúng nổi lên chìm xuống trong đầu. Trong đó, tôi không thấy tham, sân, si, hay từ bi, thương yêu, trí tuệ nằm ở đâu nơi tâm mình cả.

Tôi nghĩ, quán tâm khó thật.

### *Rau Rón ven bờ*

Phía sau lưng chùa Phước Duyên là dòng sông mang tên Bạch Yến, ven bờ sông có những cây rau Rón mọc lên, nhất là mỗi khi trời mưa, hoặc sau khi cơn lụt là những đợt nó vươn lên cao, dài và uốn cong lại như những lưỡi câu nhìn rất đẹp và hái luộc chấm tương ăn rất ngon.

Thầy tôi rất thích ăn loại rau này, bằng cách luộc chấm với nước tương ớt cay cay, hay chiên xào ngon lắm.

Hôm ấy, tôi đi ven bờ sông, hái rau Rón đem về luộc và làm nước tương ớt cay cay, có gừng và kiệu nữa để Thầy tôi dùng.

Sau bữa cơm, Thầy gọi tôi đến và hỏi: điệu hái rau Rón và luộc như vậy, điệu có nghe rau rón nói với điệu là rau đau lắm không?

Tôi thưa: bạch Thầy, rau làm gì biết đau.

Thầy cười và nói: nó có đau, nhưng tại điều không nghe và không thấy đó thôi.

Thầy hỏi: sáng nào điều cũng tưới cây, nhưng quên hai ngày, thì cây sẽ bị héo phải không? Tôi dạ. Thầy nói: cái héo của cây là biểu hiện cái đau của nó, cũng giống như người mình đau là nhăn mặt vậy.

Nên, khi điều hái, là nó đau lắm đó, và khi điều luộc hay chiên thì nó càng đau hơn.

Nghe Thầy dạy, tôi đứng sững người một hồi, vì quá bất ngờ, chưa từng nghe ai nói rau, hay cỏ cây mà bị đau đớn bao giờ.

Sau đó, tôi lại thưa Thầy: bạch Thầy! Rứa thì làm răng, ăn chi cũng tội cả thì làm răng?

Thầy nói: đúng rồi, ăn chi cũng tội cả chứ sao!

Tôi nói: bạch Thầy, ăn rau cũng tội huống chi ăn thịt?

Thầy cười và nói: đúng rồi!

Tôi thưa: bạch Thầy, không ăn làm răng sống được để mà tu?

Thầy nói: ăn chứ! Chưa có ai không ăn mà sống, nhưng người biết tu tập, phải biết ăn trong sự hổ thẹn, với tâm đầy khiêm tốn và từ bi.

Qua lời Thầy dạy, tôi thích quá chừng, và cảm thấy sự hiểu biết của mình lớn lên một cách kỳ diệu!

*Bây giờ chú ở đâu?*

Năm 1966, trong một giấc ngủ mơ, Thầy tôi thấy một người đàn ông ngồi bên cạnh, nói với Thầy rằng: "Thầy ơi, cứu con với, ngày mai 9h con chết".

Trong giấc mơ Thầy tôi hỏi: "người là ai, ở đâu, tại sao lại cứu?".

Trong giấc mơ trả lời. Tôi là chú Dương, ở trong cửa Nhà Đồ, cách cửa Nhà Đồ khoảng trăm mét về phía phải, ngày mai người chủ sẽ đem tôi làm thịt lúc 9h, xin Thầy cứu tôi với".

Sáng mai, uống nước trà, Thầy kể cho chúng tôi nghe giấc mơ khi đêm, và Thầy cầm nón đi về cửa Nhà Đồ, cách khoảng trăm mét, phía phải, thấy chú dê đang bị trói giữa sân, Thầy bước vào thương lượng với chủ, sau đó Thầy đã mua được



chú dê và dắt về chùa để nuôi.

Từ đó, chùa có con dê, Thầy đặt tên là điệu Dương, mỗi ngày anh em chúng tôi thay nhau chăn giữ chú dê này.

Chúng tôi chăn chú rất vất vả, nhất là những lúc trời mưa. Trong vườn chùa, bao nhiêu lá xanh non, chú đều ăn hết. Chú hết sức tinh nghịch.

Chùa nuôi chú khoảng một năm, sau đó, Thầy gởi chú về Ty Mục súc để cho chú hòa nhập đồng loại.

Bấy giờ thỉnh thoảng có dịp, chúng tôi có ghé thăm chú, thế mà đã trải qua hơn bốn mươi năm, bây giờ không biết chú ở đâu, và không biết có ai đó, có giúp chú qua giấc chiêm bao như Thầy tôi ngày ấy không nhỉ!

### *Từ thuở ấy*

Thầy tôi là một trong những vị Thầy tích cực yểm trợ cho nhóm từ thiện của bác Phạm Đăng Siêu, nên bấy giờ bác và nhóm hay đến chùa lấy gạo cho từ thiện và thường đàm đạo với Thầy tôi.

Tôi nhớ có một lần tôi đứng hầu Thầy, bác Siêu hỏi:

Bạch Thầy, khi đức Thế Tôn thành đạo rồi, Ngài có còn nhớ đến nàng Da Du Đà La không?

Thầy trả lời: ái nghiệp đã đoạn tận, lấy gì mà nhớ. Nơi đức Phật chỉ là từ bi.

Rồi bác Siêu hỏi nghĩa kinh Kim cang. Thầy nói: "vô trú là kim cang". Bác làm từ thiện mà "vô trú" là bác đang tụng đọc, diễn thuyết kinh Kim cang đó vậy.

Làm từ thiện mà "trú" thì không phải là từ bi, mà "vô trú" mới là từ bi thứ thiệt.

Sự đàm đạo của Thầy và bác Siêu đã hơn bốn mươi năm đi qua, bây giờ đọc, tụng và nghiên cứu kinh Kim cang, tôi thấy sự đàm đạo giữa Thầy và bác Siêu ngày ấy thật tuyệt vời!

Và hạt giống "kim cang vô trú" cũng như "đức Phật chỉ là từ bi", đã gieo vào trong tâm thức bé thơ của tôi từ thuở ấy.

### *Bao gạo Thầy tôi*

Năm 1967, Hòa Thượng Mật Nguyện mở lớp học Liễu quán, tại chùa Linh Quang dạy chuyên khoa Phật học cho các tăng sinh.

Bấy giờ, Thầy tôi bảo tôi, chở bao gạo bằng xe đạp về chùa Linh Quang cúng dường cho học chúng tu học. Thầy tôi rất thương tăng sinh. Và chùa Linh Quang một thời là trường Sơn Môn Phật Học, vào thập niên năm 1940, Thầy tôi là tăng sinh nội trú của trường này. Ngoài giờ học, Thầy tôi phát nguyện gánh nước, bửa củi và quét dọn nhà cầu cho tăng chúng.

Nên, tuy học không giỏi, nhưng hạnh của Thầy tôi bấy giờ ai cũng quý.

Bởi vậy, Linh Quang là một trong những kỷ niệm quý báu của một thời mà Thầy tôi đã đi qua, và bao gạo mà tôi may mắn được chở ngày ấy, là cả một tâm từ bi của Thầy tôi đối với hậu học.

*Điệu pháp năm xưa*

Thầy tôi nói với bác Hương Ngật, đạo hữu hãy tụng kinh Pháp hoa đi!

Bác Hương Ngật hỏi, kinh Pháp hoa có tác dụng gì mà Thầy dạy con tụng đọc?

Thầy dạy:

Tụng đọc kinh Pháp hoa thì có được ba điều lợi ích.

1. Trừ được cái ngu
2. Trừ được cái nghèo
3. Trừ được tai họa

Tụng kinh Pháp hoa mà trừ được cái ngu, vì kinh Pháp hoa không phải chỉ nói về căn bản trí tuệ của Phật mà còn nói về trí tuệ tuyệt đỉnh của Phật và tâm từ bi của Ngài.

Nên, tụng kinh Pháp hoa là ta có điều kiện để thâm nhập trí tuệ ấy.

Và, khi ta đã thâm nhập trí tuệ ấy, thì cái ngu trong ta bắt đầu xóa dần. Vì vậy mà tụng kinh Pháp hoa giúp ta trừ được cái ngu. Lại nữa, tụng kinh Pháp hoa giúp ta trừ được cái nghèo. Nghèo là do tâm ta thấp kém, tụng kinh Pháp hoa giúp ta mở rộng tâm hồn, và phát khởi đại nguyện.

Vì vậy, tụng kinh Pháp hoa giúp ta trừ được cái nghèo.

Và tụng kinh Pháp hoa, thì trừ được tai họa.

Thầy tôi nói: Tai họa đến với ta là từ nơi cái ngu của ta và từ nơi tâm thấp kém của ta. Do đó, khi ta tụng Pháp hoa, ta thâm nhập được cái trí sâu xa của Phật, cái tâm rộng lớn của Ngài, là ta có cơ hội xóa sạch cái gốc rễ của tai họa.

Gốc rễ tai họa đã bị xóa, thì hậu quả của tai họa không thể nào xảy ra.

Thầy tôi bấy giờ đã nói với bác Hương Ngật như vậy và khuyến khích bác ấy thọ trì, tụng tụng kinh Pháp hoa. Bấy giờ tôi là chú điệu đứng pha nước hầu Thầy, nghe Thầy dạy cho bác Hương Ngật như vậy, lòng tôi rất hân hoan thích kinh Pháp hoa. Bác Hương Ngật nghe Thầy dạy như vậy, nên mỗi đêm đến chùa để tụng kinh Pháp hoa bằng chữ Hán, tôi là chú điệu, nên chẳng có hiểu được gì, thế mà hằng mong ước một ngày nào đó, mình sẽ được tụng kinh Pháp hoa bằng chữ Hán và sẽ hiểu được những ý nghĩa sâu xa của kinh.

Ước mơ ấy của chú điệu năm xưa, ngày nay đã được trở thành hiện thực. Hạt giống điệu pháp Thầy tôi đã gieo vào tâm thức tôi từ thuở ấy.

### *Thế trí biện thông*

Mỗi lần đi đâu, Thầy gọi tôi làm thị giả theo hầu.

Tôi xách cặp theo Thầy, và đi trước Thầy.

Thầy bảo: Trí đi hầu Thầy là phải đi sau Thầy, sao lại đi trước!

Tôi thưa: dạ, con đi trước là để lượm gai dọn đường cho Thầy.

Thầy nghiêm mặt và nói: “thế trí biện thông”.

Tôi không hiểu, sau đó về lại chùa, Thầy tôi dạy: “thế trí biện thông” là sự thông minh biện luận theo trí thế gian, sự thông minh ấy là tai nạn, không có ích gì cho đời sống giác ngộ và giải thoát.

Nghe Thầy dạy, tôi chấp tay cúi đầu, không dám nói thêm một lời.

Ngày nay, nhớ những lời Thầy dạy, quả thiệt chính xác. Và rất hổ thẹn, khi muốn tranh cãi hơn người.



*Tâm ở đâu?*

Có lần Thầy gọi tôi lên phương trượng và hỏi: chú tu như vậy, chú biết tâm ở đâu không?

Tôi chấp tay, vái Thầy và im lặng.

Thầy nói: nơi nào có chúng sanh nơi đó có tâm; nơi nào có phật, nơi đó có tâm; và nơi nào có vũ trụ vạn hữu, nơi đó có tâm.

Nên, trong thân thể của chú từ đỉnh đầu xuống đến gót chân không có cái gì là không tâm.

Vì vậy, chú phải biết chăm sóc tâm chú trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, ăn, uống, ngủ nghỉ và làm việc, để cho vọng tâm lắng xuống.

Học đạo chính là học pháp luyện tâm, và làm chủ tâm ý.

### *Trái mít ân tình*

Năm 1963, Thầy Thanh Tuệ tự thiêu, chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm truy nã, để bắt Thầy ký vào biên bản là Thầy Thanh Tuệ tự thiêu là do bị tâm thần, chứ không phải phản đối chính quyền đàn áp Phật giáo.

Biết vậy, Thầy phải tỵ nạn, nhà thím Tùng ở Chi Lăng đã che chở Thầy tôi trong tai nạn này và sau đó đưa Thầy tôi vào Đà Nẵng để lánh nạn.

Vì ân nghĩa ấy, mà mỗi năm trong vườn chùa, đến mùa mít chín, trái mít nào ngon và đẹp nhất, Thầy tôi dạy tôi gánh hai trái mít đi bộ từ chùa Phước Duyên về Chi Lăng để biếu cho gia đình thím Tùng.

Tôi mặc chiếc áo dài năm thân, gánh hai trái mít đi bộ từ chùa về nhà thím Tùng mà cảm thấy rất vui thích, vì biết mít không phải là mít mà là ân tình của một thời giúp Thầy mình thoát nạn.

*Chiếc nón lá*

Có lần tôi cầm chiếc nón lá mới đến chào Thầy để đội đi học. Thầy hỏi: làm sao điệu có chiếc nón ấy?

Tôi thưa: dạ, 0 Mừng cho.

Thầy hỏi: điệu có bà con gì với 0 Mừng không?

Tôi thưa: dạ, không.

Thầy tôi hỏi: điệu không bà con gì với 0 Mừng, tại sao 0 lại cho điệu cái nón mới?

Nghe Thầy hỏi, tôi chỉ đứng im lặng.

Thầy dạy: lần sau bất cứ ai cho điệu cái gì, điệu phải thưa cho Thầy biết và xin phép Thầy trước khi nhận, chứ không được tùy ý nhận.

Nếu điệu tùy ý nhận mà Thầy không biết, là sẽ khó khăn cho điệu sau này. Lại nữa, Thầy phải

biết để cảm ơn họ. Hơn nữa, các điều chưa có đủ phước đức để nhận sự cúng dường của mọi người. Phước đức ít, mà nhận sự cúng dường, thì tai họa sẽ tới, và nó sẽ đẩy mình ra khỏi sự tu tập, không còn có nhân duyên tốt để ở chùa, vậy điều phải nhớ nghe chưa!

Tôi cúi đầu và phụng hành lời dạy của Thầy một cách sâu xa.

*Thi kệ năm xưa*

Khi còn là chú điệu, Thầy tôi đã dạy cho tôi ý nghĩa và sự quán chiếu thi kệ dậy sớm như sau:

**Tảo Giác**

Thụy miên thử ngộ  
Đương nguyện chúng sanh  
Nhất thiết trí giác  
Châu cố thập phương

Nghĩa là:

***Dậy sớm***

Ngủ nghỉ thức dậy  
Xin nguyện chúng sanh  
Trí biết tất cả  
Nhìn khắp mười phương.

Thầy tôi dạy: ngủ nghỉ là một trong năm thứ dục lạc của thế gian mà con người thường bị đắm chìm vào đó, khiến cho tâm tánh thường bị mê muội.

Nên, người tu phải biết ngủ và thức đúng thời. Thức không đúng thời sẽ đưa tới bệnh hoạn, ngủ không đúng thời cũng làm cho tâm trí hôn ám.

Người tu tập, nên dậy vào giờ Dần, tức là từ ba đến năm giờ sáng, để ngồi thiền, tụng kinh, niệm phật, trì chú hay lạy phật, nhìn lại sự kết thúc một đêm với ba nghiệp thanh tịnh và mở đầu cho một ngày mới cùng với sự giác ngộ thanh tịnh. Và giờ Mão là từ năm giờ tới bảy giờ sáng, ấy là thời gian hoạt động chính thức của đại trường, làm cho những cặn bã cấu uế trong cơ thể được đẩy ra ngoài, khiến cho thân nghiệp thanh tịnh.

Lại nữa, từ bảy giờ cho đến chín giờ sáng, đây là thời điểm hoạt động chính thức của phổi, và cũng là thời điểm khởi đầu của buổi sáng, mặt trời

vừa lên, trong không khí có nhiều chất bổ cho phổi và máu, nên ta phải thở thật sâu để chuyển tải thức ăn trong lành nuôi phổi và máu. Và ở thời điểm này, ta phải biết nuôi thân bằng khí và nuôi tâm bằng tịnh, khiến cho thân tâm định tĩnh nhẹ nhàng và sinh hoạt như thân rồng chuyển động vậy.

Thầy tôi dạy: thức dậy như vậy là thức dậy đúng lúc, làm việc như vậy là làm việc đúng lúc, tu tập như vậy là tu tập đúng lúc. Ta làm bất cứ cái gì mà đúng thời, đúng lúc là ta sẽ thành công.

Trái lại, ta làm gì mà không đúng thời, không đúng lúc thì ta sẽ thất bại. Thầy tôi dạy: tu tập không đúng thời, không đúng lúc, thì ngay cả bản thân mình đã không có lợi ích, lấy cái gì mà giúp ích cho người và độ đời.

Ta tu tập có lợi ích cho bản thân, thì ta mới mong cầu cho hết thảy chúng sanh cũng đều tu tập, để có những lợi ích như ta vậy.

Sự lợi ích lớn lao nhất của sự tu tập là sự thành tựu "trí tuệ toàn giác".

Toàn giác ngay ở nơi thân và tâm; toàn giác ngay giữa mình và người; giữa mình và mọi chúng sanh; giữa mọi người và mình; giữa mọi chúng sanh và mình; giữa một hạt cực vi với toàn thể vũ trụ; và toàn giác ngay giữa một thời điểm với mọi thời điểm và cũng như mọi thời điểm với một thời điểm.

Toàn giác giữa mình với mọi thời gian; toàn giác giữa mình với mọi không gian; toàn giác giữa mình trong mọi vật thể, sự toàn giác ấy, không đến với ta từ sự vay mượn; từ sự cầu nguyện hay van xin, mà đến với ta từ sự thực tập giáo pháp của Phật trong hàng ngày từ sáng cho đến tối, từ ngủ cho đến thức, thì chư Phật và cảnh giới của các Ngài thường hiện tiền trong ta.



Thầy tôi dạy: toàn giác là để hiểu đời một cách sâu sắc, thương đời một cách đằm thắm và giúp đời một cách thiết thực.

Đó là ý nghĩa của sự quán chiếu thi kệ năm xưa mà Thầy tôi đã dạy.

### *Vị thầy như thế*

Rồi có lần, sau thời kinh buổi sáng, Thầy tôi gọi tôi vào phương trượng và bảo đọc phần nói về tâm chí của người xuất gia ở trong văn Cảnh sách của Ngài Quy Sơn cho Thầy nghe. Tôi liền đọc thuộc lòng đoạn văn ấy cho Thầy như sau: “Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu, nhược bất như thử, lạm xí tăng luân”. Đọc xong, Thầy bắt giải nghĩa, tôi liền giải nghĩa như sau: “Xét rằng, người xuất gia, phát khởi bước đi siêu việt, tâm hình khác tục, nối thành dòng thánh, chấn chỉnh và tiêu phục đoàn quân của ma, việc làm ấy là để đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, nếu không phải chí nguyện và việc làm như vậy, thì chỉ là kẻ lạm

dụng pháp luân của Tăng”.

Thầy hỏi thế nào là bước đi siêu việt? Tôi trả lời: Bước đi siêu việt là bước đi cả thân và tâm đều không vướng mắc phiền não. Thầy hỏi thế nào là tâm hình thể tục? Tôi ngậm ngẫm, rồi trả lời rằng: Tâm hình thể tục là tâm và thân của thế gian đều do nghiệp trói buộc và bị đi ở trong nghiệp và phiền não. Thầy hỏi, thế thì tâm hình khác tục là thế nào? Tôi trả lời, Tâm và hình của người tu không đi theo nghiệp và không bị phiền não chi phối. Thầy hỏi, thế thì điều đã được cái tâm và hình ấy chưa? Tôi im lặng, Thầy cười và nói, đó chỉ là pháp học chưa phải là pháp hành đâu nhé, phải nỗ lực hành đi rồi sẽ thấy, còn nếu không, cũng chỉ là cái thấy ở trong sanh tử, cái thấy của thế tục, mà không phải là cái thấy của người xuất gia. Cái thấy do học và hành đem lại, mới là cái thấy chân thật của người xuất gia. Cái thấy và cái

hiều ấy, mới thực sự có khả năng đền đáp bốn ân và cứu giúp ba cõi và mới không mang tiếng là kẻ lạm dụng pháp luân của Tăng.

Hơn bốn mươi năm chiêm nghiệm lời Thầy dạy, quả thực lời Thầy thật chí lý. Ta học thông tam tạng, mà không hành theo pháp học, thì cũng không có khả năng chặt đứt phiền não, chuyển hóa nghiệp thức để vượt thoát sanh tử. Và nếu không có pháp hành để chặt đứt phiền não, thì ta chỉ là người ở chùa, lạm dụng hình thức của Tăng, chứ đâu phải là người xuất gia.

Lời Thầy tôi dạy đã đi qua hơn bốn mươi năm, nhưng lại càng lúc càng sáng ngời trong từng bước chân và hơi thở của tôi.

Thật cảm ơn Tam bảo và cuộc đời, đã cho tôi gặp được vị Thầy như thế.

*Phật sự*

Tôi còn nhớ rõ như in, hôm ấy vào tháng 11, năm Đinh mùi (1967), Thầy dạy tôi theo hầu Thầy vào Đà Nẵng làm lễ tại nhà mẹ Hàng, ở chợ Cồn, tôi hầu Thầy về phố, Thầy ghé tại nhà bà Nam Hải, đường Trần Hưng Đạo mượn 50 đồng để đi xe, bà Nam Hải hoan hỷ và rất vui, không những bà cho mượn mà còn cúng dường thêm, nhưng Thầy chỉ mượn mà không nhận tiền cúng. Thầy nói, bà cúng dường có dịp khác, đây là dịp tôi chỉ mượn, sau đó Thầy cười và đi. Thầy trò tôi đi bộ qua bến xe An Cựu để đi Đà Nẵng, mới bước lên xe ngồi, đợi đúng giờ xe chạy, bấy giờ có hai cha con mặc tang chế đến chỗ Thầy khóc lóc, “vợ mới chết không đủ tiền nuôi con, Thầy ơi, Thầy giúp con với!”. Thầy tôi lấy 50 đồng vừa

mới mượn của bà Nam Hải trao cho hai cha con người đi xin ấy và dặn, “50 đồng này không được ăn hết, chỉ tiêu 2/3 cho gia đình ông thôi, còn 1/3 ông phải đem chia sẻ lại cho những người nghèo hơn ông nghe chưa!”. Người kia dạ, cảm ơn Thầy tôi rồi đi.

Bấy giờ, tôi ngồi yên lặng nhìn Thầy tôi và Thầy tôi nhìn tôi và bảo, thôi Thầy trò mình đi bộ về chùa, không đi Đà Nẵng nữa. Như vậy, Thầy trò mình đã đi Đà Nẵng làm phật sự rồi.

Danh từ và ý nghĩa phật sự lần đầu tiên tôi được nghe Thầy tôi dạy. Phật sự là việc làm của Phật. Việc làm ấy là làm cho chúng sanh từ không có phước đức trở nên có phước đức; làm cho chúng sanh đã có phước đức, thì khiến cho phước đức của họ càng lúc càng tăng trưởng; và đối với những chúng sanh đã tăng trưởng được phước đức rồi, thì khiến cho phước đức của họ càng lúc

càng được viên mãn như Phật. Và Phật sự là việc làm của Phật. Việc làm ấy là làm cho chúng sanh, từ không hiểu biết, giúp cho họ hiểu biết; họ đã có hiểu biết, thì giúp cho sự hiểu biết của họ được tăng trưởng và họ đã có sự hiểu biết tăng trưởng, thì giúp cho họ có sự hiểu biết toàn diện như Phật.

Phật sự Thầy tôi dạy ngày ấy cho tôi, không phải là một mớ lý thuyết, không phải là những kiến thức kinh viện, mà chính là cuộc sống của Thầy. Thầy đã làm Phật sự một cách tự nhiên, như đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nằm. Cũng vậy, không có tiền thì mượn, khi có tiền người xin thì cho và cho một cách trong sáng. Bài học Phật sự ấy, tôi đã học được từ Thầy tôi. Thầy tôi đối xử với mọi người bằng con tim và bàn tay mở rộng. Thầy tôi đã đi xa hơn bốn mươi năm, nhưng những Phật sự Thầy tôi làm, không danh, không tướng vẫn còn nuôi mãi hồn tôi và đã nuôi lớn anh em chúng tôi.

### *Ít bận tâm*

Thầy tôi rất hiếu khách, bất cứ ai đến chùa cũng tìm đủ mọi cách giữ họ lại để mời họ dùng cơm. Bữa cơm không có gì cao sang, chỉ rau muống chắm tương, tô canh môn và vài ba trái ớt dầm tương.

Bà Thị, bà Tham, bà Lãnh, bà Nghè,... đến chùa, Thầy dạy chúng tôi nấu cơm, chiên dưa chuối và kho trái sung để đãi mấy bà. Ai ăn cũng khen ngon. Tôi nhớ có lần bà Thị, may cúng dường cho Thầy tôi mấy bộ áo quần mới, ba tuần sau bà lên thăm và hỏi Thầy: “mấy bộ áo quần tôi may cúng dường Thầy, sao không thấy Thầy mặc, mà mặc bộ áo quần vá vậ?” Thầy cười và nói: “mặc áo quần vá ít bận tâm giữ gìn, dễ lao động và dễ làm việc chùa”. Nghe Thầy nói vậy, bà Thị



cũng cười và không nói gì thêm. Nhưng tôi biết, ba bộ áo quần mới ấy, Thầy đã tặng cho các vị khách Tăng tuần trước rồi.

*Về một bài thơ*

Tôi nhớ mùa Đông năm Bính Ngọ (1966), Thầy tôi làm bài thơ Ngày Tiên Cảnh Phật, dạy tôi học thuộc lòng và Thầy dạy chú Chợt viết bài thơ ấy lên bức tường giảng đường. Bài thơ ấy, hiện nay không còn trên bức tường, nhưng nó lại còn trong ký ức tôi như sau:

*“Ngày Tiên cảnh Phật thú thanh nhàn  
 Nỏ muốn tham cầu nỏ thờ than  
 Không có tài ba không có khó  
 Chẳng cầu no ấm chẳng cầu an.  
 Gà kia lẫn vẫn trong nhà cũi  
 Hạc nọ cao bay khắp thế gian  
 Vui lấy Từ bi làm bạn ngọc  
 Một câu ngộ đặng đáng muôn vàng”.*

Sau năm 75, một số người đến viếng cảnh chùa, đọc bài thơ ấy và hỏi tôi, vị nào làm bài thơ mang tính phản động đến thế?

Tôi hỏi bài thơ ấy phản động chỗ nào? Họ nói: “Đảng và Nhà nước ta đang ra sức đem lại cơm ăn áo mặc cho dân chúng, tái lập hòa bình cho xã hội, thì Nhà chùa lại nói “ Chẳng cầu no ấm, chẳng cầu an”, bài thơ như vậy không là phản động chứ gì?

Tôi nói đây là bài thơ, Thầy tôi làm năm 1966, chứ không phải mới làm hôm nay. Và nếu ta không nhìn sâu về mặt đạo lý mà chỉ nhìn bài thơ qua lăng kính chính trị, thì tôi cho rằng, đây là bài thơ yêu nước, yêu người, vì nó rất tự hào về những giá trị nhân bản, văn hóa và tâm linh vốn có của dân tộc đó chứ. Chẳng hạn, không có no ấm, ta mới đi tìm cầu no ấm, còn nếu có no ấm rồi, thì ai lại đi tìm cầu no ấm làm chi nữa; không

có bình an, người ta mới đi tìm cầu bình an, còn nếu có bình an rồi, thì ai lại đi tìm cầu bình an làm chi nữa. Lại nữa, những kẻ tâm chí thấp hèn, những nền văn hóa bạo động thấp kém, thì cái suy nghĩ quanh quẩn hơn thua với nhau nơi những ngũ dục thế gian và vì vậy, mà làm khổ cho nhau, nơi cõi sinh tử luân hồi. Nên, chẳng khác nào những chú gà ngày đêm kiếm sống và giành giật nhau dưới gác cũi hay quanh quẩn bên vỉa hè nhà. Và đối với những người có tâm chí rộng lớn, đối với những dân tộc có nền văn hóa uyên viễn, thì người ấy, dân tộc ấy có những tầm nhìn rộng lớn, có những hành xử phóng khoáng, không câu nệ vào những chi tiết vụn vặt, vì vậy mà câu thơ nói “hạc nọ cao bay khắp thế gian”, đó mà!

Những vị ấy hỏi, Thầy của ông là ai? Tôi nói Thầy của tôi là vị Thầy đã làm bài thơ mà chúng ta đang nói chuyện với nhau đây. Họ lại hỏi tôi

rằng, ông có biết làm thơ không? Tôi cười và nói: Thầy tôi có dạy cho tôi làm thơ chút chút, khi tôi còn hành điệu.

Bài Thơ Thanh Tĩnh tôi làm cách đây không lâu, xin đọc tặng quý vị:

*Sống đời thanh tĩnh ríu mà hay  
Đạm bạc cơm rau với tháng ngày  
Mấy độ thu qua tà áo vải  
Bao lần hạ đến chiếc quần đay.  
Bàn tăng tự nguyện nghèo cơm áo  
Tráng sĩ phiêu bồng lấm gió mây  
Lòng lộng tâm hồn siêu mộng tưởng  
Sá chi trần thế chuyện vui đây.*

Những vị tuyên giáo ấy nhìn tôi cười và cảm ơn, tôi cũng nhìn họ cười và cảm ơn họ lại, và họ trước khi về hẹn sẽ gặp tôi trong một dịp khác, để cùng nhau nói chuyện thơ văn cho vui.

Cách đây hơn bốn mươi năm, Thầy tôi mỗi

lần làm một bài thơ, thường gọi tôi lên phương  
trượng, đọc cho tôi nghe và dạy cho tôi học thuộc  
lòng, chỉ cho tôi một vài điển tích, Thầy dùng  
trong thơ, hay một vài niêm luật bằng trắc,... nhờ  
vậy, mà tôi biết cách làm thơ Đường khi còn là  
chú điệu.

*Dư báo phải trả*

Tôi nhớ mùa xuân năm Đinh Mùi (1967), Thầy tôi nói chuyện với anh em chúng tôi rằng: “Tuy, Thầy tu hành, nhưng gặp lăm tai ương và sẽ chết bởi nghiệp binh đao”. Anh em chúng tôi, liền hỏi, bạch Thầy tại sao? Thầy dạy đó là dư báo nhiều đời. Chúng tôi hỏi: Bạch Thầy, tu không thoát khỏi được dư báo hay sao? Thầy dạy được chứ. Nhưng, chuyển nặng thành nhẹ, chuyển quả báo nhiều đời thành một đời; chuyển quả báo một đời thành một năm; chuyển quả báo một năm thành một mùa; chuyển quả báo một mùa thành một tháng; chuyển quả báo một tháng thành một tuần; chuyển quả báo một tuần thành một ngày và chuyển quả báo một ngày thành một giờ,... Nghĩa do năng lực tu tập của mình mà các quả báo xấu

có thể chuyển đổi. Đối với những quả báo bất định, thì mình tu tập có thể dễ chuyển đổi hơn, nhưng đối với những quả báo đã hình thành nhất định, thì rất khó chuyển đổi và nếu có thể chuyển đổi được, thì cần phải có rất nhiều thời gian công phu tu luyện. Thời gian ấy không phải chỉ một đời mà phải trải qua nhiều đời mới làm thay đổi đối với những quả báo nhất định. Thầy tôi nói kinh Kim Cang dạy rằng: “Đối với kinh Kim Cang, người nào thọ trì, đọc tụng mà bị người khác khinh dễ, thì biết rằng tội nghiệp của người ấy, đáng đọa vào đường dữ, nhưng do đời này bị người khinh dễ, nên tội nghiệp đời trước đó của người ấy bị tiêu diệt, người ấy sẽ chứng đắc Tuệ giác vô thượng”.

Vì vậy, Thầy tôi nói với anh em chúng tôi, ở đời không có cái gì là không thay đổi, chỉ có khác nhau là nhanh hay chậm, xấu hay tốt mà thôi.



*Thi kệ cuối cùng*

Gần cuối mùa Đông năm Đinh Mùi (1967), Thầy tôi sai tôi mài nghiên mực, rồi bung lên phía sau hậu Tổ cho Thầy. Thầy bảo tôi bung nghiên mực đứng đó, rồi Thầy lấy bút chấm vào nghiên mực và viết lên bức tường phía hậu Tổ bốn câu thi kệ bằng chữ Hán như sau:

不 後 不 初  
枉 人 傳 祖  
功 若 經 安  
夫 悟 典 然  
妙 真 但 在  
理 如 傳 少  
尋 性 心 林

Âm:

Sơ Tổ an nhiên tại Thiếu lâm  
Bất truyền kinh điển đẫn truyền tâm  
Hậu nhân nhược ngộ chân như tánh  
Bất uổng công phu diệu lý tầm.

Nghĩa:

*Sơ Tổ an nhiên tại Thiếu lâm  
Không truyền kinh điển chỉ truyền tâm  
Người sau nếu ngộ chân như tính  
Không uổng công phu kiếm lý màu.*

Thầy chỉ viết thi kệ lên tường mà không nói gì.  
Viết xong, Thầy bảo tôi đem nghiên mực đi dẹp.

*Một thời lại được thăng hoa*

Thầy tôi là người xuất gia đầu tiên không phải ở trong làng mà ngay cả ở trong vùng. Hòa Thượng Chí Niệm là người thứ hai của làng tôi xuất gia, nhưng lại do Thầy tôi khuyến hóa và đưa đến xuất gia tại Tổ đình Từ Hiếu, sau đó đã trở thành vị trú trì của Tổ đình này.

Ở quê tôi, đã có nhiều người noi gương Thầy tôi đi xuất gia, nhưng không thành công. Bây giờ, Thầy Lương Phương vào tuổi 13, người cùng quê và họ của Thầy tôi, đã được Thầy tôi độ cho xuất gia, tu học tại chùa Linh Mục vào năm 1946. Và Thầy tôi cũng đã độ cho rất nhiều vị xuất gia trẻ đương thời, nhưng họ không thành công đối với sự nghiệp này, có nhiều lý do mà trong đó có cả lý do chiến tranh giữa Việt và Pháp. Nhiều thế hệ trẻ

xuất gia với Thầy tôi, khi còn ở chùa Linh Mục và sau đó là ở chùa Phước Duyên, nhưng hiện chỉ còn hai vị đệ tử xuất gia thượng túc của Thầy, nay là Hòa Thượng Nguyên Ngọc -Tánh Hải ở chùa Linh Sơn Đà Lạt, chứng minh BTS Phật giáo Lâm Đồng và Hòa Thượng Nguyên Tiến – Lương Phương hiện đang Trụ trì chùa Phước Duyên, Huế.

Hòa Thượng Nguyên Tiến – Lương Phương tiếp tục sự nghiệp của Thầy tôi từ năm 1968, khi người mới 35 tuổi, bấy giờ đang theo học lớp chuyên khoa Phật học Liễu Quán ở chùa Linh Quang Huế, đành phải dừng việc học, để thay thế Thầy đảm đương việc chùa và tiếp tục hướng dẫn đồ chúng xuất gia và tại gia tu học.

Đối với đồ chúng xuất gia, bấy giờ trong chùa có Thầy Chánh Hảo, chú Lâm (Thầy Đắc Hiền), chú Hạnh (Thầy Thái Thuận), tôi (Thầy Thái Hòa), chú Thiện (Thầy Thái Nguyên) và có

thêm hai bà vải trên bảy mươi tuổi, còn hàng cư sĩ tại gia, do Thầy tôi truyền Tam quy - Ngũ giới trước đó, hơn cả vạn người, đều ở dưới sự hướng dẫn tu học và tín ngưỡng của Thầy tân Trú trì, tức là Hòa Thượng Lương Phương hiện nay.

Bấy giờ, vào ngày 11 tháng 07 năm Kỷ Dậu, tức là ngày 14 - 8 - 1969<sup>1</sup>, Ban đại diện GHPGVN, tại Thừa Thiên tổ chức giới đàn, tại chùa Tây Thiên, do H.T Thích Mật Nguyện Chánh đại diện làm đàn chủ, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Trú trì Tổ đình Thiên Tôn làm Hòa thượng đàn đầu truyền giới, Hòa Thượng Thích Mật Hiển, Trú trì chùa Trúc Lâm làm Yết ma, T. T Thích Huyền Không, Trú trì chùa Quốc Ân làm Giáo Thọ, T.T Thích Diệu Hoàng, Trú trì chùa Diệu Đế, đệ nhất Tôn chứng, T.T Thích Hưng Dụng, Trú trì chùa Kim Tiên, đệ nhị Tôn chứng,

---

<sup>1</sup> Những ngày tháng và năm thọ giới Sa di ở đây là chính xác, còn ở trong Một Thời Làm Điệu, ấn bản 2009 là nhớ bị lầm. Xin lỗi độc giả.

T.T Thích Diệu Khai, Trụ trì chùa Viên Thông đệ tam Tôn chúng, T.T Thích Chánh Pháp, Trụ trì chùa Phổ Quang, đệ tứ Tôn chúng, Đ.Đ Thích Huyền Luận, Trụ trì chùa Vạn Phước, đệ ngũ Tôn chúng, Đ.Đ Thích Trí Quảng, Trụ trì chùa Từ Ân, đệ lục Tôn chúng, Đ.Đ Thích Tuong Ứng, Trụ trì chùa Từ Quang, đệ thất tôn chúng, T.T Thích Thanh Trí, Giám tự Tổ đình Báo Quốc đệ nhất dẫn thỉnh và Đ.Đ Thích Chơn Thức, Giám tự Tổ đình Tường Vân đệ nhị dẫn thỉnh. Trong giới đàn này, ba anh em gồm: chú Lâm, chú Hạnh và tôi đều được Thầy tân Trụ Trì chùa Phước Duyên, xin Ban kiến đàn cho các anh em chúng tôi được thọ Sa di giới và đã được Ban kiến đàn hoan hỷ chấp thuận.

Như vậy, sau khi chúng tôi được Hội đồng Thập sư của Giới đàn Tây Thiên, trao cho giới pháp Sa di xong, và kể từ đó, một thời làm đệ tử của chúng tôi lại được thăng hoa trên bước đường tu học.

*Tâm và hình khác đời*

Khác đời có nghĩa là nội dung và hình thức khác đời. Người đệ tử Phật có một nội dung và một hình thức khác với người không phải đệ tử Phật. Tâm của người không phải đệ tử Phật là tâm gì? Tạm gọi là tâm của chúng sinh chạy. Trong tâm mà có những chất liệu của chúng sinh chạy, nếu đem những cái “chạy” đó mà chạm nhau thì nó “đã” lắm! Nó "đã" theo kiểu tan hoành. Và những hình thức được biểu hiện bởi những chúng sinh chạy đó là thế nào? Nó biểu hiện hết sức dữ tợn và thô bỉ. Ít ra trong chúng ta cũng đã từng chứng kiến một người với tâm chúng sinh chạy, khi họ điều khiển hành động và ngôn ngữ của họ đối với những người chung quanh. Và hai người với tâm chúng sanh chạy mà ngôn ngữ và hành

động của họ đối xử với nhau, nếu ta nghe và thấy, thì hết sức kinh dị.

Cho nên, tâm và hình của người đệ tử Phật khác với tâm và hình của chúng sinh chạy, khác với người đời. Nó khác, vì tâm của người đệ tử Phật có chánh niệm tỉnh giác. Nên, khi buồn là họ biết họ đang buồn, bởi vậy mà cái buồn đó không thể kéo dài. Và khi vui, họ biết họ vui, cho nên cái vui không thể đưa họ tới chỗ quá đà để phải tán thân mất mạng.

Tâm của người đệ tử Phật là tâm có nội dung của giới, định và tuệ. Tâm có nội dung của giới, tức là tâm có niềm tin, có lương tâm, biết hổ thẹn với chính mình và người khác mỗi khi mình làm sai và nói sai. Vì vậy mà khi mình làm bất cứ công việc gì, mình cũng luôn soi xét lại cái tâm của mình. Mình đem mười đồng mà bố thí cho người nghèo, trên hình thức đó là một hành vi tốt, nếu



hành vi tốt đó được khẳng định với tâm thương người thực sự. Mình phải xem lại, mình chia sẻ như thế này là với một động cơ nào. Đôi khi vì thừa, nên mình mới chia sẻ, rồi mình lại bắt người nhận phải cảm ơn mình, thì đó không phải là một điều tốt. Tốt và xấu, thiện và ác không phải nơi vật cho mà ở nơi động cơ cho và hành động cho.

Nếu vật dư thừa, mình cho, mà người ta không nhận, thì mình phải đem đi vứt, và nếu để trong nhà thì chật nhà, và nếu để tiếp nữa, thì nó sẽ bị thối hoặc bị hư. Nên khi ta lấy một tặng phẩm ra để cho người, ta phải hỏi lại ta rằng, cái này có phải là cái của mình dư hay không. Nếu mình thấy rằng, đó là cái dư của mình, mà đem cho, thì người nhận có phước và người cho không có phước gì cả. Đó là điều mà ta cần phải nhìn thật sâu để thấy. Có đôi người cứ thắc mắc, không hiểu vì sao, mình cứ đem của đi bố thí, đi giúp đỡ

người khác hoài, mà sao cứ bị tai họa mãi? Không có ai đi cúng dường hay bố thí với tâm thanh tịnh và thành kính mà bị tai nạn cả, mà bị tai nạn là do bố thí hay cúng dường bằng những phẩm vật dư thừa, với tâm không thanh tịnh!

Hiểu được điều này, ta mới thấy ở trong kinh Địa Tạng, tại sao dạy cho ta rằng, phải đem vật thực mới làm ra, chưa có sử dụng gì cả để cúng dường Phật, Pháp, Tăng, thì mới có phước đức; không được đem những thứ mình đã dùng rồi để dâng cúng, bởi vì cúng như vậy không có phước. Ta phải hiểu cho rõ câu Kinh ấy để thực hành.

Nếu ta chiêm nghiệm thật sâu sắc và hết sức thực tế, thử hỏi trong người mình, nếu mà thịt dư, thì sẽ như thế nào? Máu dư thì sao? Gan dư thì sao? Rồi cũng biếp huyết cao, rồi phải đi giải phẫu,... Mình tới nhờ người khác giải phẫu để mình được tồn tại, mình sống, thì tất nhiên là

mình phải cảm ơn người kia và người kia có phước hơn mình phải không?

Phải nhìn thật sâu sắc, mình mới thấy được điều đó. Rất nhiều người cứ thắc mắc và nói rằng, sao tôi tu ghê lắm, tôi làm phước ghê lắm, tôi bố thí ghê lắm, tôi cúng dường ghê lắm, mà sao đủ thứ tai nạn trên đời cứ ập đến với gia đình tôi, với bản thân tôi! Thực ra nghiệm cho cùng là xưa nay mình chỉ toàn làm chuyện “dã tràng xe cát” thôi à, chứ có phải bố thí, cúng dường gì với tâm thanh tịnh đâu nào! Nên, làm cái gì ta cũng phải có chánh niệm tỉnh giác, làm cái gì ta cũng phải quán chiếu thật sâu sắc để gạn lọc những tạp niệm và vọng niệm ở trong tâm ta. Người đệ tử Phật phải nhìn sâu vào trong tâm mình, làm cái gì chúng ta cũng phải nhìn cho thật sâu. Cho nên, tâm của người đệ tử Phật, nó khác với tâm của người đời là vậy.

Ngày trước ở Từ Hiếu, sáng nào tôi cũng cho cá ở hồ Bán nguyệt ăn. Khi cho cá ăn, tôi nghĩ những chú cá đó với tôi là một. Mỗi buổi sáng khi nghe bản đánh, tôi mặc áo rất là dài hàng đi ăn cơm và sau đó là đi cho cá ăn. Cho cá ăn, tôi cũng mặc áo dài hàng, vì tôi nghĩ rằng, cái hàng hàng ấy, không phải cho những chú cá, mà chính là cho sự tu tập của chính mình, nên tôi đã thực tập như vậy mỗi ngày và mỗi ngày tôi đều có hạnh phúc và an lạc.

Mỗi khi đem tặng phẩm cho những chú cá, tôi đều nói với các chú ấy một cách hết lòng của tôi như thế này:

“Ngã kim hành thí

Đương nguyện chúng sinh

Xả tham dục ý

Nhập không đạo vị”.

Nghĩa Là:

“Tôi nay thực hành hạnh bố thí  
Xin nguyện cho hết thảy chúng sinh  
Loại bỏ ý tham dục ở trong tâm  
Để thể nhập đời sống Trung đạo”.

Nói xong, tôi mới từ từ đưa tay búng giữa nước để gọi cá và thả thức ăn xuống.

Cũng là hành động cho cá ăn, nhưng tùy theo tâm của mình sâu cạn, rộng hẹp, nhiễm hay tịnh mà đem lại lợi ích cho chính mình và đối tượng tiếp nhận.

Cũng đều là những hành động cho cá ăn thôi, nhưng tâm hạnh của người con Phật khác tục là vậy.

Nên, dù chúng ta đang ngồi ăn cơm, hay đang cho cá ăn; đang ngồi thiền, hay đang giúp người nghèo; đang chăm sóc những đứa học trò, hay đang chăm sóc con cái;... thì tâm và hình của chúng ta cũng hoàn toàn khác tục. Tâm thì có

chánh niệm tỉnh giác, nó rộng lớn và mênh mông; hình thì diêm đạm, nhẹ nhàng mà sâu lắng. Chỉ cần nhìn vào là biết ngay đó chính là con Phật, không cần phải giới thiệu gì cả.

Có những lần dạy Luật Tứ phần cho các Thầy, tôi hỏi mấy Thầy, tại sao mình thầy tu mà phải mặc áo hoại sắc, sao không mặc áo chính sắc cho đẹp? Và tôi đã giúp quý Thầy thấy được ý nghĩa thâm sâu của chiếc áo để có thể yêu được chiếc áo, bảo vệ được chiếc áo và trân quý được chiếc áo trong từng giây, từng phút mình đang mặc.

Chiếc áo hoại sắc là chiếc áo của thầy tu Phật giáo. Hoại sắc có nghĩa là sắc chính đã bị phá hỏng. Mình mặc vào chiếc áo mà sắc chính đã bị phá hỏng để nói lên cái gì? Người đời hay mặc màu áo chính sắc, nhưng nhà tu theo tinh thần Phật giáo phải mặc áo hoại sắc, để nói rằng, người đời mặc áo thì tôi cũng mặc áo, tuy mặc áo,

nhưng chúng tôi không đi theo cách ăn mặc của quý vị, chúng tôi có cách ăn mặc của chúng tôi.

Người đời thường dùng màu sắc để trang điểm đời mình, vì vậy mà họ phải đi theo dòng chảy của sinh tử. Ta tu cũng mặc áo, nhưng không đi theo dòng chảy sinh tử mà phải có khả năng phá hỏng dòng chảy ấy, để đi về với quê hương giác ngộ.

Vì vậy, người biết tu tập, người ấy không chạy theo hình sắc, mà phải biết buông bỏ hình sắc để quay về với tự tính giác ngộ. Nên, mọi hình sắc không thể giam cầm và nhận chìm những người biết tu tập.

Tâm của người biết tu tập, vốn là tâm đã dị tục rồi, bây giờ hình cũng dị tục, tức là mặc chiếc áo hoại sắc. Ta không đi theo với cái sắc tướng bên ngoài, ta không đi theo với cái sắc trần bên ngoài, để ta có cơ hội đi sâu vào đời sống bên

trong. Và tôi có nói đùa với mấy Thầy, bây giờ mình tu mình mặc chiếc áo hoại sắc và mai một mình sẽ mặc chiếc áo gì nữa? Chiếc áo hoại danh. Mình đã phá hoại được sắc, mình đã không đắm chìm ở nơi sắc, và mình đã không đi theo sắc, đó là một bước tiến rất tốt trên sự nghiệp tu tập; nhưng mà mình cũng phải tiến sâu thêm một bước nữa, là mình phải mặc chiếc áo hoại danh. Có nghĩa là mình không ham bất cứ một danh xưng ca ngợi nào của người đời, không đắm chìm vào bất cứ một cái danh hư huyền nào mà người đời phong tặng cho mình, thì khi đó mình mới có khả năng đi về với quê hương tâm linh của mình, mình mới đi tới được cái rộng lớn vô biên trong đời sống của mình. Đã là một ông thầy tu rồi, mà chức vị quá nhiều, thì không có một cái quê mùa nào mà quê mùa cho bằng, mình đi tu mà chức vị quá nhiều, thì không có bất hạnh nào mà bất hạnh



cho bằng. Nhưng mà người đời thường cho đó là một vinh hạnh, nên giả như có một ai đó mà họ có nhiều chức vụ, nhưng giới thiệu họ thiếu đi một chức vụ nào đó là họ buồn lắm. Nếu người có chánh niệm tỉnh giác, thì thấy rằng, trong người mà mang quá nhiều hình sắc, mang quá nhiều áo danh, áo tướng vào, thì đó là nổi bất hạnh. Nếu không nhận biết được như vậy, thì mình sẽ chạy theo và rơi vào cạm bẫy của ma, cạm bẫy của dục vọng và không bao giờ gặp được Như Lai.

Vì vậy, người thực tập chánh niệm, tỉnh giác phải luôn biết rõ tâm mình, và biết rõ hình thức mà mình đang có mặt. Nhờ biết rõ có chánh niệm tỉnh giác ở nơi tâm, cho nên tâm mình là tâm khác tục. Khi mà nơi tâm mình được thấp lên ngọn đèn của ý thức chánh niệm, thì tâm của mình trong giây phút đó là tâm hoàn toàn khác tục, tâm đó là tâm của Phật. Và khi mình mặc chiếc áo mà thấp

ngọn đèn chánh niệm tỉnh giác vào trong lúc mặc, thì cách mặc đó và chiếc áo đó là chiếc áo của Phật. Nên chiếc áo đó hoàn toàn khác tục, dù mình đang mặc chiếc áo màu đà, màu vàng, hay màu xám. Giả như mình mặc áo vàng, áo đà, hay áo xám mà thiếu chánh niệm tỉnh giác, thì áo đó cũng như áo đỏ, áo tím thôi à!

Tâm khác tục của người đệ tử Phật là khác chỗ nào? Người đời họ thương, đệ tử Phật cũng thương. Người đời họ yêu, đệ tử Phật cũng yêu. Nhưng người đời thương và yêu ở trong vụ lợi, đệ tử Phật thương và yêu bất vụ lợi, đó là sự khác nhau, chứ mình không phủ nhận cái thương hay cái yêu. Siêu việt và thực tiễn là ở chỗ đó. Như vậy, tâm thương yêu của đệ tử Phật khác với tâm thương yêu của người đời. Cho nên, gọi là tâm dị tục. Và khi mà tâm thương yêu bất vụ lợi, thì mình tặng một cái gì cho người mình thương đều là bất vụ lợi.

Nếu ta thương với tâm vụ lợi, thì ta là người câu cá và người ta thương là con cá bị câu.

Đệ tử Phật không phải là những người câu cá cấp cao, hay cấp thấp gì hết, mình thương là mình thương thôi, mình yêu là mình yêu thôi, trong đó không có một cái gì vụ lợi cả. Và mình hiến tặng cho mọi người, là mình hiến tặng mà không có chi vụ lợi hết. Vì cái tâm như vậy, nên gọi là tâm khác tục.

Một người đệ tử Phật đi tới đâu là an toàn tới đó, đi tới đâu là hạnh phúc tới đó, đi tới đâu là bình an tới đó. Mình cứu giúp ai là mình cứu giúp một cách bất vụ lợi, nên mình chỉ cứu giúp thôi, mà không có kể công. Nếu mình có kể công, tức là mình cứu giúp có vụ lợi và chứng tỏ là tâm của người đệ tử Phật và tâm của người đời không khác gì nhau cả.

Ví dụ như tôi hướng dẫn cho người nào đó tu

học, nhưng giả như người ấy không làm theo ý của tôi, rồi tôi nổi cáu lên, tôi nói: “Ta đã dạy cho như thế rồi, mà vẫn còn như thế đó à!”. Nói vậy, chúng tỏ là tôi dạy, có vụ lợi, nên khi người kia không làm theo ý mình, thì mình bắt đầu nổi cáu lên và kể công.

Như vậy, chúng tỏ tôi tuy làm thầy dạy cho người, nhưng chưa phải là chân sư. Và nếu như quý vị không thông minh, quý vị cũng sẽ bị mắc kẹt ở nơi cái không chân sư của tôi, và quý vị sẽ bị bỏ mất cơ hội để đi đến với đời sống rộng lớn của mình.

Ta làm được gì cho đời là ta cứ làm, và làm cho hết tấm lòng của ta, còn thành bại không phải ở nơi tấm lòng của ta mà ở nơi duyên nghiệp của cuộc đời và của người đời.

Một vị với tâm thương yêu vô vụ lợi, với tâm cứu giúp vô vụ lợi, với tâm đồng cảm, bao dung

bất vụ lợi, thì phong thái của vị đó đối với người đời nó khác hẳn. Phong thái ấy ta phải học tập mỗi ngày. Nếu không, thì nó rất dễ rơi vào cái bẫy của vụ lợi.

Hễ mình có vụ lợi là mình có sợ hãi, có ghen tuông, có ganh tị và hạnh phúc cũng theo đó bay đi. Khi nào chúng ta thấy mình thương yêu, mà không có tâm vụ lợi, cứu giúp không có tâm vụ lợi, đồng cảm không có tâm vụ lợi, cộng tác với nhau không có tâm vụ lợi, thì ngay trong chính những việc làm đó là đã ly dục rồi. Ngũ dục đã ly.

Hễ mình muốn có hạnh phúc, muốn có an lạc, muốn có cao quý, thì mình phải có những chất liệu ly dục. Không có được chất liệu này, thì ta càng làm là càng thêm gây rối cho đời mà khổ lụy cho ta.

Thế giới loài người ở thế kỷ 21, người ta đang có khuynh hướng tổ chức những hội nghị để

tìm hướng đi cho thế giới con người. Vào tháng 8 năm 2000, Liên Hợp Quốc cũng đã mời các nhà lãnh đạo tinh thần và tôn giáo đến để tham khảo và đọc tham luận tại Hội nghị Thượng đỉnh tại LHQ. Và thế giới cũng đã tiếp tục tổ chức những cuộc hội thảo tham luận, để vạch ra hướng đi cho thế giới con người vào thế kỷ 21.

Có người cũng đã nói rằng, thế kỷ 21 là thế kỷ của điện toán, của điện tử, cho nên người ta đã thiết lập những chính phủ chỉ bằng điện tử thôi. Khi một nền hành chính được thiết lập hoàn toàn bằng điện tử, thì cái gì xảy ra cho thế giới con người? Cái đó người ta cũng còn đang chiêm nghiệm. Trước kia con người phải tự mình sản xuất ra tất cả, nhưng giờ đây máy móc có thể làm thay con người và vì thế, con người trở nên thừa thãi hơn. Và khi con người thừa thãi hơn, thì con người sẽ như thế nào ở trong thế kỷ của chúng ta, thế kỷ 21 này?

Ngay bây giờ mình đi về nhà quê thôi, các cô, các cậu ở thôn quê cũng đã ăn chơi theo kiểu các cô, các cậu ở thành phố, và tai nạn xe cộ đã xảy ra tại thôn quê cũng đã nhiều. Lượng công an, cảnh sát ở thôn quê cũng không đủ để bảo đảm được an ninh cho dân, bởi một xã cũng chỉ có được một vài công an thôi. Một khi đời sống con người đã bị cơ giới hóa, điện tử hóa hết, thì con người là cái gì, có phải là cái máy không? Một khi con người đã biến thành cái máy, thì con người không còn là người nữa, nhưng con người bấy giờ cũng không phải là cái máy mà thua cái máy. Và con người cũng không phải là con người nữa, mà cũng không phải là con thú mà thua con thú. Đó là nguy cơ của con người trong thế kỷ 21.

Cho nên, việc điện tử hóa cuộc sống con người chỉ có cái lợi, khi những Nhà điều khiển xã hội, biết thiết lập những trung tâm tu tập chánh

niệm, tỉnh giác và từ bi cho thế giới con người. Điều này tôi đã có đề nghị trong bài tham luận gửi Hội nghị Thượng đỉnh thiên niên kỷ, do LHQ tổ chức, vào tháng tám năm 2000.

Khi đời sống con người đã được cơ giới hóa, điện tử hóa mọi vấn đề, thì con người bây giờ sẽ là cái máy hoặc con người bây giờ sẽ bị vớt ra khỏi cái máy. Con người sẽ là cái máy hay con người bị vớt ra khỏi cái máy, đó là những nguy cơ cho con người ở thế kỷ 21. Ở thế kỷ 21, con người bị bận rộn và nô lệ bởi máy móc, nên đời sống con người sẽ bị chết bởi máy móc và nếu có máy móc làm việc thay thế hết cho con người, thì bây giờ con người sẽ nhàn rỗi, và đời sống của con người sẽ bị chết bởi cái nhàn rỗi của con người. Trong tình trạng ấy, nếu không có được những trung tâm tu học, những trung tâm thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi, hay những trung



tâm niệm Phật, thì con người sẽ bị khủng hoảng nhiều mặt và thế giới con người sẽ cực kỳ bi đát và bế tắc, chứ không phải như những Nhà thiết kế mô thức xã hội theo điện tử tưởng tượng đâu!

Mình trở lại câu nói của một triết gia Tây phương, Erich Fromm nói rằng, thế kỷ 20 là thế kỷ mà con người đã chết, bởi vì máy móc đã thay thế cho con người cả rồi. Con người không còn có chi nữa để mà sống, không còn có chi nữa để mà làm. Thậm chí mai một ăn cũng được ăn thế luôn. Bảy giờ sinh đẻ cũng được thay thế cả. Xong rồi! Cho nên thiên chức làm mẹ, thiên chức làm cha, thiên chức làm ông nội, bà nội,... cũng xong om cả rồi. Còn đâu nữa để nói: “tới đây mẹ bông con! Tới đây ba bông con! Tới đây nội bông nè!”... Những tiếng nói gắn chặt với tình cảm của đời sống con người không còn nữa.

Những cái đó nếu chúng ta không có chánh

niệm tỉnh giác và từ bi, chúng ta sẽ không có được cái nhìn xa, không thấy rộng và không sửa soạn được cuộc sống cho bản thân mình và cho cộng đồng của mình.

Nếu các vị lãnh tụ không biết tu tập, chạy theo vật chất, thì quý vị sẽ đưa cả một dân tộc của mình đi tới hố thẳm, lao mình đi tới vực thẳm rất nhanh. Tình trạng này chỉ có thực hành lời phật dạy mới cứu được thôi.

Mỗi người trong chúng ta phải tu tập và phải biết thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi cho thực tình chuyên để tự cứu lấy chính mình, chứ không phải ngồi chờ đợi một vị Thiên sư hay một vị Hòa thượng nào đến cứu mình. Không có Thiên sư và Hòa thượng nào có thể cứu được mình, nếu mình không tự cứu.

Tự mình phải cứu lấy chính mình, trước khi có sự cứu giúp của người khác, đó là cách nghĩ

của người đệ tử Phật, và với cách nghĩ này đã tạo nên tâm và hình của người con Phật khác đời. Khi tâm đã khác đời, cách nghĩ đã khác đời, thì hình thức và cách sống hiển nhiên là phải khác.

### *Làm hưng vượng dòng dõi bậc thánh*

Chúng ta thấy rằng, ta tu tập có nhiều lợi ích cho bản thân, nên ta chỉ lo tu để cho ta hưởng lợi thôi, điều đó có nên không? Nếu mình tu tập mà những người xung quanh mình không tu tập, thì liệu sự tu tập của ta có an toàn không? Nếu ta đang tụng Kinh, mà con cái của ta hai đứa vác đùi rượt nhau ở trong nhà, thì ta có ngồi yên để tụng Kinh được hay không? Ta có thể nói: “tôi tu thôi, còn mấy đứa nó làm chi mặc kệ hẳn”. Ta nói như vậy có được không?

Khi mình thấy được sự lợi ích của chánh niệm tỉnh giác và từ bi từng phút, từng giây trong đời sống của mình, thì mình phải đem chánh niệm tỉnh giác và từ bi đó giúp cho những người xung quanh, để họ cũng thực tập chánh niệm tỉnh giác

và từ bi như chính bản thân mình.

Ngài Hộ Nhẫn mỗi buổi sáng vẫn ôm bình bát đi khát thực, Ngài đi bên lề đường thôi, chứ có phải đi giữa đường đâu, nhưng cũng bị người không có chánh niệm tỉnh giác tông vào. Cuộc sống là liên đới với nhau cả. Mình tu mà người ta không tu, thì mình cũng bị lãnh sẹo theo cái không tu của người ta.

Nên, làm hưng vượng dòng dõi bậc Thánh, có nghĩa là không những mình biết tu tập, mà mình còn đem chất liệu chánh niệm tỉnh giác và từ bi này, làm duyên cho những người trong gia đình của mình, làm điều kiện để cho những người thân yêu của mình cũng có cơ hội thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi như mình. Ngoài việc Phật hóa bản thân, chúng ta còn phải Phật hóa gia đình và Phật hóa xã hội. Phật hóa gia đình và Phật hóa xã hội theo con đường nào? Theo con đường

chánh niệm tỉnh giác và từ bi.

Trong Kinh Pháp Hoa có bài kệ như thế này:

“Chư Phật lưỡng túc tôn  
Tri pháp thường vô tính  
Phật chủng tòng duyên khởi  
Thị cố thuyết Nhất thừa”.

Nghĩa là:

Chư Phật là Đấng đầy đủ trí tuệ và phước đức, biết rõ các pháp vốn không có tự tính, không có cái gì thật hữu và bền chắc; Hạt giống giác ngộ của Phật sinh khởi cũng cần phải có điều kiện, cho nên mới nói con đường Nhất thừa.

Làm cha mẹ, anh chị hay làm những bậc trưởng thượng trong gia đình, thì phải thấy các đứa con của mình, đứa nào cũng có Phật tính ở trong, những người cháu của mình, đứa nào cũng có Phật tính ở trong, những người em của mình, người nào cũng có Phật tính ở trong, nhưng mà

Phật tính ở nơi những người con, người cháu hay nơi những người em của mình chỉ có thể sinh khởi khi hội đủ điều kiện, mà điều kiện đó là gì? Ấy là sự thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi của ta và ta biết đem phương pháp, cũng như năng lượng chánh niệm tỉnh giác và từ bi của ta, để yểm trợ cho người.

Nếu cha mẹ không có cơ hội để phát khởi Phật tính, thì người con phải biết tạo ra cơ hội để giúp cha mẹ, phát khởi Phật tính. Trong điều kiện này có thể là nghịch và cũng có thể là thuận. Ví dụ, mình là con một trong gia đình, mình biết rằng, cha mẹ rất thương mình, nên mình có đủ sự thông minh, để mình biết, cần sử dụng phương pháp hay điều kiện nào, để giúp cha mẹ mình vượt qua khỏi tình trạng bế tắc của cha mẹ.

Vì vậy, có khi mình hiện ra làm hạnh nghịch duyên. Hạnh nghịch duyên là nghịch như thế nào?

Bởi vì cha mẹ mình đi theo dòng đời, cứ như thế mà chảy. Và bây giờ mình hiện ra một nghịch hạnh là hễ cha mẹ ăn mặn thì mình ăn chay. Chính cái hạnh nghịch duyên đó, lại là tác động ngược lại và khiến cho cha mẹ mình phải xét lại cái ăn mặn, cái suy nghĩ chạy theo dòng chảy thể tục của quý vị. Có khi cha mẹ mình ngồi nói với nhau: “Sao con bé mình nó nhỏ như vậy mà nó ăn chay được, còn mình lớn như thế này mà mình không làm được?” Suy nghĩ ấy là một suy nghĩ phản quán, xét lại. Từ cái biết xét lại, cha mẹ sẽ bắt đầu suy tư, và từ nơi đó có thể chuyển đổi được ý hướng.

Thêm vào đó, cũng có thể, khi mình biết rằng, cha mẹ cưng mình rồi, nên mình tới thủ thủ với cha “cha ơi, con ăn mặn là con đau bụng”. Mình có thể nôn mửa... sau một vài lần, tự nhiên nó sẽ đánh động được tình thương của cha và mẹ.



Hoặc mẹ có ép, cha cũng nói “thôi, con đã không ưa ăn, thì ép làm chi! Thôi thì mẹ đi mua đậu khuôn với nấm, mà nấu cho con nó ăn”. Chính mình hiện ra một nghịch duyên, nhưng lại trở thành một thuận duyên.

Nghịch duyên như vậy để làm gì? Để đánh thức Phật tính ở nơi cha mình dậy, nơi mẹ mình dậy, ở nơi người thương mình dậy. Bởi vì, khi một ai đó đã thương mình rồi, thì mỗi động tác, mỗi cử chỉ của mình đều chạm vào tâm hồn của họ hết. Cho nên, không có lý do gì, một người thương mình, mà mình không giúp họ đánh thức Phật tính ở nơi họ dậy.

Dứt khoát nếu mình có tuệ giác là mình có nhiều cơ hội để giúp họ. Chúng ta thấy rằng, có cha mẹ nào lại không thương con cái và không có người con nào lại không thương cha mẹ? Cũng không có vợ nào lại không thương chồng, và

không có người chồng nào lại không thương vợ ?  
Nên, mình phải biết sử dụng cái thương để mà  
giúp nhau tu tập.

Không có Thầy nào mà không thương trò.  
Thầy mà đánh trò một roi, thì Thầy đau cả chục  
roi, nhưng Thầy vẫn cắn răng mà đánh. Thầy nói  
một lời nặng với học trò, là Thầy tan nát tim phổi  
trước, nhưng cũng phải rán gân mà nói, nín thở  
mà nói. Biết vậy mà cũng phải nói, bởi vì thương  
mà nói. Đó là cái nghịch hạnh. Mình phải đánh cú  
chót này, mới có thể làm thay đổi được người học  
trò, là mình cứ đánh. Phải đánh cú này, cú chí tử  
này khi đó nó mới ngộ, thì mình cứ đánh. Và  
người khác nhìn vào thấy có vẻ tàn nhẫn, nhưng  
đối với Thầy thì không có gì tàn nhẫn cả, bởi vì  
trong khi hành xử như vậy, Thấy có cả tình  
thương và có cả tuệ giác. Nên, nếu mình là người  
khách quan, thì mình không thể hiểu được.

Mình nói dối dòng giống bậc Thánh là mình phải làm điều kiện để hạt giống bậc Thánh được trỗi dậy ở nơi người mình thương, ở nơi người mình chăm sóc, ở nơi người mình quý trọng. Nhiều người được trỗi dậy hạt giống phật pháp như vậy, thì gia đình mình trở thành ra gia đình Phật hóa, dòng họ mình trở thành ra dòng họ Phật hóa, làng xã mình trở thành làng xã Phật hóa, quê hương mình trở thành quê hương Phật hóa, và cõi của mình trở thành cõi Phật.

Cần gì phải đi cho xa, “chừ Tịnh độ không đi mà vẫn đến”. Muốn nói dối và làm hung thịnh dòng dõi bậc Thánh, mình phải biết được rằng, tất cả chúng sinh đều có hạt giống phật và thánh. Chỉ có điều, có người thì bị vùi lấp sâu, có người thì bị vùi lấp cạn, có người chỉ bị vùi lấp sơ sơ và chỉ cần mình gãy móng tay thì hạt giống của người đó cũng có thể trỗi dậy được. Phật tính thì ai cũng có,

nhưng có người phải lấy chổi mà quét, thì mới trỗi dậy, có người thì phải lấy cái bay mà cạy, nhưng có người thì phải lấy búa mà gõ, không phải gõ một lần mà phải gõ nhiều lần mới trỗi dậy được.

Chúng ta thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi mỗi ngày, tức là mình nuôi hạt giống giác ngộ của mình lớn lên. Mình phải bước đi những bước đi siêu việt ở trong cái thực tiễn và thực tiễn ở trong cái siêu việt là ở những điểm như vậy.

Gia đình mình là một sự thực tiễn, vợ chồng là một sự thực tiễn, cha mẹ con cái, anh em bạn bè là một sự thực tiễn của cuộc sống, thì trong cái thực tiễn đó, mình phải biết đưa năng lượng chánh niệm, tỉnh giác và từ bi vào để thực tập và sống, thì ngay trong cái thực tiễn đó, trở thành cái siêu việt.

Mình có chánh niệm tỉnh giác và từ bi, nên mình hiểu xuyên suốt được tâm hồn của người

mình thương, của người mình kính. Nên, khi mình hiểu xuyên suốt được tâm hồn của người mình thương, của người mình kính, thì mình có thể tạo ra được một điều kiện để cho Phật tính của người đó khởi sinh.

Mình muốn giúp ai đi chùa để thực tập, mình phải biết khuynh hướng của họ, và mình phải biết được ưu và nhược điểm của con người họ, thì mình mới giúp họ được và mình mới có thể khơi dậy được Phật tính ở trong con người họ.

Có một lần ở Từ Hiếu, tôi đi lên Phước Duyên rất là tối, tôi đi bộ từ ngoài chùa Linh Mục đi vào, thì có hai anh chàng say rượu đi chệnh choáng giữa đường. Gặp tôi nơi hồ sau chùa Linh Mục, lúc đó cũng chín mười giờ đêm rồi, họ tới ôm tôi lại, mà trong miệng của họ thì rất hôi rượu.

Bấy giờ, tôi đứng yên lặng, cả hai người, người nào cũng nói: “Thầy thấy con ngon lành

không, và Thầy có thương con không?”. Tôi cười, tôi nói: “Hai anh quá tuyệt vời, chứ ngon lành được à!” và khi mà họ nghe nói như vậy, hai người nói với nhau: “mi thấy chưa, Thầy mà còn khen tau nữa, thì mi phải biết!”.

Trong tình trạng ấy, tôi chỉ nói một câu như vậy thôi, thế mà họ liền thả tôi ra. Và cuối cùng, họ nói với tôi: Con tuyệt vời như vậy, mà có mấy người nói con say! Tôi nói: các anh không phải say, say đâu còn biết tuyệt vời được, cho nên các anh tỉnh nơi a. Khi ấy, hai người đều la lên: tỉnh, tỉnh, thôi hai đưa mình đi. Thầy vào chùa đi nghe!

Cho nên, trong tình trạng gặp những người say như vậy, nếu mình không có chánh niệm tỉnh giác và từ bi, mà bị họ ôm mình như vậy, thì cũng có thể xảy ra cho mình nhiều chuyện không hay.

Nên, ta cần phải thực tập chánh niệm, tỉnh giác và từ bi để có thể bảo toàn cho mình trong

mọi tình huống, dù là ta đang đối đầu với người say và đang còn nằm trong vòng tay của họ, mình cũng có thể thoát ra được.

Tôi nói điều này, thì chúng ta phải chiêm nghiệm sâu. Tất cả người say đều đang ôm mình trong vòng tay của họ, chứ không phải chỉ say rượu thôi đâu! Có những người say sắc, có những người say danh, có những người say tiền, có những người say ăn, có những người say ngủ, có những người say tình,... tất cả những người say đó, đang còn ôm mình trong vòng tay của họ, nhưng mà mình có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, mình vẫn khơi mở được Phật tính ở nơi họ và họ sẽ trả tự do lại cho mình. Mình đừng có nói rằng: Chồng con khó lắm Thầy ơi, không đi chùa được đâu; vợ con khó lắm Thầy ơi, không đi chùa được đâu; mẹ con khó lắm Thầy ơi, không tu được đâu; cha con khó lắm Thầy ơi, không tu được đâu,...

Nếu mình có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi rồi, thì từ từ mình sẽ tháo ra được hết. Và chính tôi nhờ có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, nên cũng đã tháo ra được, từ trong vòng tay của hai người say trong một đêm khuya.

Không những chúng ta chỉ biết thực tập chánh niệm, mà còn phải biết lập hạnh giúp đời, phải biết làm cho hạt giống Phật nơi tâm của những người ta thương trời dậy để cho ai cũng sống có an lành.



### *Nhiếp phục ma quân*

Ma ở đây là chỉ cho dục vọng và những điều kiện giúp cho dục vọng phát sinh. Bởi vì, dục vọng đẩy chúng ta đi vào bóng đêm, nên dục vọng được gọi là ma. Ta sống giữa ban ngày, mà ta vẫn đi trong bóng đêm, nếu ta sống theo dục vọng. Ma ở đây cũng chỉ cho những tri giác, những nhận thức sai lầm của chúng ta. Chính những nhận thức sai lầm đó, đưa ta đi tới với bóng đêm và cuộc sống của ta trở thành ra bóng đêm.

Bất cứ cái gì liên hệ đến dục vọng, thì cái đó đều đưa tới sai lầm. Hạnh phúc do dục vọng đem lại, thì hạnh phúc đó cũng chỉ là hạnh phúc lừa phỉnh.

Như vậy, nội ma là những ham muốn không chính đáng ở trong tâm chúng ta, và ngoại ma là

những tệ nạn xã hội mà mình bị vướng vào, con cháu mình bị vướng vào, những người thương mình bị vướng vào.

Tham nhũng là một loại ma. Và những người tham nhũng là ma. Bởi khi tham nhũng phát triển, thì công lý không còn và mình sống với tham nhũng tức là mình sống với ma, một loại ma xã hội. Buôn lậu là một loại ma. Ma túy cũng là một loại ma. Mua dâm, bán dâm cũng là một loại ma. Khi công lý không còn, nhân cách không còn được tôn trọng, Phật tính bị khuất lấp, Thánh tính bị khuất mờ, thì tất cả các loại ma đó tha hồ tung hoành, chúng làm hư hỏng xã hội và đưa xã hội đi vào bóng đêm.

Như vậy, người đệ tử Phật phải có bốn phận nhiếp phục ma quân. Chúng ta muốn nhiếp phục được ma quân ở bên ngoài, thì trước hết chúng ta phải nhiếp phục được các loại ma dục vọng ở

trong tâm của chúng ta. Và chúng ta cũng phải nhiếp phục được các loại ma ở trong gia đình chúng ta. Có khi con mình dễ thương như thế mà bỗng chốc trở thành ma. Có khi anh chị mình đang dễ thương như vậy mà bỗng chốc trở thành ma. Có khi chồng mình, vợ mình đang dễ thương như vậy mà bỗng chốc trở thành ma. Nên, ta phải làm thế nào để mình nhiếp phục được các loại ma ở trong tâm mình và ở trong gia đình mình, thì mình mới có thể nhiếp phục được những loại ma ngoài xã hội.

Tôi nhớ có một nữ Phật tử, chị ta là cán sự y tế có chồng bác sĩ làm ở bệnh viện Đà Lạt, chị ấy nói cho tôi biết rằng, chị ta đã nói với chồng là: “Anh kiếm tiền không đàng hoàng mà đem về cho em, em sẽ không nhận, bởi vì nếu nhận, sau này con mình sẽ trả không nổi”. Như vậy là chị ấy đã thấy được, không để cho loại ma bên ngoài xâm

nhập vào trong gia đình mình, vào trong đời sống của chồng mình và của con mình. Đó là một người vợ thông minh. Phải thông minh lắm, bản lĩnh lắm, mới nói được những câu nói như vậy. Thường thường có những bà vợ rất tốt, nhưng cũng có những bà vợ rất kém, chồng đi làm việc mà tiền đem về ít là cảm râm dũ lắm. Nếu người chồng có tu tập chánh niệm, sẽ nói: Em có ưa ma không, anh sẽ bắt ma về cho em xem? Tham những, hỏi lộ, tất cả những cái đó, là đem ma về ở trong nhà mình, mà không thấy, rồi cứ mời mấy Thầy phù thủy tới cúng để trấn ma, làm bùa chú để ma khỏi vào nhà mình, nhưng thực ra ma đã đi lọng chùng vào nhà mình hồi nào mà mình không có biết.

Gia đình nào có người vợ, người chồng, người con, người cháu, có chánh niệm tỉnh giác và từ bi, thì gia đình đó sẽ loại trừ được loài ma

xâm nhập trong nhà mình. Người có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi nói cho người không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi biết rằng: Trời ơi, chị đi ra ngoài xã hội vợ vét của người ta đem về trong nhà của chị cho nhiều, rồi con cái của chị thấy tiền nhiều như vậy, chúng bắt đầu ăn tiêu, phung phí xa xỉ, từ mặt này đến mặt khác, khi đó mới nói, sao gia đình mình bữa nay sinh ra đủ chuyện không lành, con cái ăn chơi hư hỏng, chắc là ma nó vào trong nhà để quậy, rồi khi ấy mới đi mời Thầy tới nhà để trừ và yểm, trong lúc đó mình lại không có thấy được ma đã đi lọng chùng vào trong nhà là chính do nơi mình. Rồi lại nói, sao gia đình tôi bữa nay làm ăn xui xẻo. Và bắt đầu đi cầu cạnh am này, miếu khác cho được hết xui!

Phải đề phòng ma đừng cho đi vào tâm hồn của mình, nơi gia đình mình, nơi những người thân yêu của mình. Và nếu mình không có biết, lỡ

ra, mai một người chồng, hay người vợ của mình mà tham nhũng, hối lộ bị luật pháp phát hiện, thì cuối cùng bị truy tố đưa ra tòa xử án, đi ở tù, rồi lúc đó mình mới khóc mếu máo rằng, chồng, vợ hay con cái của tôi đã bị “Ma nó bắt rồi”.

Nên, mình phải có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi để giúp mình và những người thân yêu của mình không bị rơi vào vòng xoay của ma. Chúng ta phải biết rằng, sức hấp dẫn của tiền bạc, của sắc đẹp, của thịt cá, của bia rượu, nó rất là mạnh và vĩ đại. Nếu ta không có sức mạnh của chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì không đẩy chúng ra khỏi đời sống của ta được đâu!

Có một chú điếu ở Từ Hiếu, buổi trưa sau khi Quá đường, chú đi học, chú ra ngoài quán hút thuốc, bởi vì chú sợ quý Thầy ở trong chùa. Sau đó tôi biết được, một đêm rất là khuya, tôi cho người gọi chú đó ra gặp tôi ở nơi Thất Lăng

Nghe. Chú ấy ra một mình và mặc áo thật đẹp. Trước khi chú ra, tôi đã ngồi sẵn ở nơi bộ bàn ghế đợi chú. Và khi chú vừa ra gần đến, thì tôi đứng dậy, đi xuống nơi tầng cấp và kéo tay chú lên. Dắt tới nơi bộ bàn, tôi hay ngồi và tôi bảo chú ngồi xuống. Tôi hỏi chú: Con có biết Thầy gọi con ra đây có chuyện gì không? Mặt chú tái đi. Tôi cười và nói: “Không có gì. Con thích hút thuốc lắm phải không? Con thèm thuốc lắm phải không? Thầy mua cho con thêm một gói nữa để con hút hí”. Tôi chỉ nói vậy thôi, tôi không có la. Chú điệu đó đứng dậy, quỳ xuống và chú lạy, rồi vừa thưa, chú vừa khóc: “Dạ bạch Thầy, con dại quá, con xin hứa là từ nay về sau con không bao giờ rơi vào tình trạng đó nữa”. Chú nói xong, tôi đứng dậy nắm tay chú điệu và bảo: “Thôi, con vào ngủ đi, ma đã ra khỏi con rồi đó!”.

Chúng ta thấy rằng, chánh niệm, tỉnh giác và

từ bi cũng là một phương pháp để chữa trị bệnh tà, bệnh ma mà mình đã giúp được chú điệu thoát ra khỏi sự thèm khát của dục lạc.

Nên, hễ có chánh niệm, tỉnh giác và là mình có thể giúp được em mình, giúp được học trò của mình và có thể giúp được người thương của mình. Tôi nghĩ rằng, nếu mình thiếu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, khi nghe báo cáo chú điệu hút thuốc mà chưa tìm hiểu gì cả, rồi cấu gât chú điệu “vi phạm nội quy rồi”. Thế là mình kêu ra, la lối dữ tợn với chú. Những hành xử la rầy dữ tợn, thiếu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi không những mình không đuổi được ma ra khỏi người em của mình, người học trò của mình, mà mình còn làm cho ma nhập thêm vào người em, người học trò của mình nữa là khác. Nếu mình la rầy không khéo, nó sẽ liều, và lúc đó thì ma sẽ có cơ hội nhập vào càng sâu hơn nữa. Chúng ta phải tìm cách để đưa các



loại ma ra khỏi con mình, ra khỏi em mình, ra khỏi học trò mình, ra khỏi những người mình thương yêu, bằng chính sự thực tập chánh niệm tỉnh giác và từ bi của mình mỗi ngày.

Nên, tôi nghĩ rằng, nếu ta có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, và biết sử dụng phương pháp này cho sự nghiệp giáo dục, thì ta có nhiều cơ hội thành công.

Điều đó tôi đã áp dụng và tôi đã thành công. Ở tu viện có những Thầy họ ngủ quên, sáu giờ sáng chưa dậy. Tôi đi xuống, tôi gọi thêm một chú điệu nữa cùng đi với tôi. Tôi cầm tay chú điệu và nói: “Con đi xuống đây với Thầy”. Tôi và chú điệu đi vào phòng ngủ của thầy đó và tôi ngồi một bên giường ngủ của thầy ấy, tôi lật mền ra và nói: “Thầy có muốn tiêu không? Tôi nói chú điệu đem bô vào cho Thầy tiêu nghe? Thầy dậy mà tiêu!”. Nghe vậy, Thầy đó hất mền ra, vùng dậy

thật mau, và từ đó là thôi, không một lần nào chậm trễ với việc thiền tập cùng với đại chúng nữa hết. Nếu mình không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì chúng ta sẽ không có được một cách giáo dục đầy sức hấp dẫn, thực tế và lý thú ấy. Và với phương pháp giáo dục như vậy, mình đã đẩy được con ma ngủ, con ma biếng nhác đi ra khỏi em mình, đi ra khỏi người học trò của mình.

Làm được như vậy, tức là mình đã nhiếp phục được ma quân. Nhiếp phục ma quân có nghĩa là đẩy lùi những tập khí thấp kém ở nơi tâm mình ra khỏi đời sống của mình; hay nói cách khác, mình cười có chánh niệm với chính những tập khí thấp kém đang biểu hiện nơi tâm mình, nơi con người của mình. Cười có chánh niệm tỉnh giác, thì tất cả những tập khí đó nó tự tan biến đi. Khi mình có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì tất cả những tập khí dù có xấu đến mấy đi nữa, mà

biểu hiện nơi tâm mình là biểu hiện để tan biến, mà không phải biểu hiện để tái tạo. Nên khi mình tu, mình ngồi thiền, mình niệm Phật, nếu có những tập khí xấu lâu đời xuất hiện ở nơi tâm của mình, thì mình phải bình tĩnh nhìn nó và cười. Mình biết sự xuất hiện của chúng là để tan biến, chứ không phải là để tái tạo. Có đôi vị khi thực tập, những tập khí lâu đời nó xuất hiện, rồi cứ nghĩ: “Ui chao, mình tu như vậy sao mà nó hiện về?”. Đúng là ma nó hiện, nhưng nó hiện ra là để tan biến, chứ không phải hiện ra để tái tạo trở lại và để ám ảnh mình đâu. Nên, mình hãy nhìn nó mà cười. Nhiếp phục được những loại ma như vậy, thì ma bên ngoài từ từ nó sẽ giúp mình, nó sẽ hỗ trợ mình.

Mình thực tập được như vậy, thì chính bản thân mình sẽ đóng góp được rất lớn cho gia đình mình, cho xã hội mình, cho thời đại mà mình

đang có mặt. Chúng ta không cần phải xây nhà lầu, phải có ô tô, phải thiết lập cầu cống mới đóng góp cho xã hội đâu, mình chỉ cần đóng góp cho xã hội bằng chánh niệm, tỉnh giác và của mình và giúp mọi người sống đời sống có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi là mình đã đóng góp tích cực vào sự ổn định và phát huy xã hội, theo một chiều hướng rất lành mạnh và thực tiễn.

*Nghĩ đến công ơn tương quan*

Ta hiện hữu là hiện hữu với cha mẹ, với Thầy, với bạn. Ta hiện hữu là hiện hữu với con người, với muôn loài và với thiên nhiên. Không có cha mẹ ta, thì sẽ không bao giờ có ta. Nên, ta phải luôn nghĩ đến sự hiện hữu của cha và mẹ ta. Phải nhìn sâu vào sự sống của ta để luôn nghĩ đến công ơn của cha mẹ. Khi ta nhìn sâu vào để thấy công ơn của cha mẹ đối với ta, thì ta sẽ toát ra được chất liệu hiểu kính. Nếu chúng ta không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi để nhìn sâu và thấy rõ được những công ơn to lớn đó, thì ta sẽ không có được sự hiểu kính, hoặc nếu có, thì cũng không phải là sự hiểu kính đích thực. Ta chỉ có sự hiểu kính đích thực, khi nào ta có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi.

Nhìn bàn tay của ta, nhìn trái tim của ta, nhìn tâm hồn của ta và ta thấy được trong tất cả các yếu tố đó đều có mặt của cha mẹ ta. Và khi ta thấy được rằng, trong sự hiện hữu của mình luôn luôn có cha mẹ, thì đó là sự hiện hữu có gốc rễ và mình sẽ không cảm thấy bị lạc loài. Đây là điểm hết sức quan trọng, khi thế kỷ 21 này, người ta có khuynh hướng làm ra những con người nhân tạo. Và khi những con người nhân tạo bằng máy bắt đầu xuất hiện trên trái đất chúng ta, thì trái đất chúng ta sẽ có một thảm họa và thế giới con người sẽ là một thảm họa, bởi vì những con người được “sinh ra” bởi thai nhân tạo sẽ không biết được cha mẹ nó ở đâu, nó không có gốc rễ. Khi đã không có gốc rễ, nó sẽ hành động theo thú tính hoàn toàn. Nó sẽ hành động theo cảm giác bơ vơ, lạc lõng như một loài không có gốc rễ và đó là cái nguy hiểm cho thế giới con người. Các nhà đạo

đức, các học giả trên thế giới vẫn đang còn tranh cãi nhiều về vấn đề này. Người ta giả tưởng rằng, khi mà thế giới con người ra đời bằng bào thai nhân tạo, người ta vẫn chưa tưởng tượng ra được thế giới con người lúc đó sẽ như thế nào, nhưng chắc chắn rằng, nó sẽ thấp kém hơn, sẽ bi đát hơn thế giới con người chúng ta đang có mặt. Bởi vì sao? Bởi vì trong sự tương quan, khi chúng ta nói một em bé mà em bé đó không nghe, thì chúng ta có thể nói với cha mẹ nó, với cô dì chú bác, hoặc có thể với ông bà nội, ông bà ngoại của nó,... Nhưng, nếu một đứa bé được sinh ra từ bào thai nhân tạo, khi nó hư hỏng mình sẽ nói với ai? Một con người có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, mình sẽ rất vinh dự khi mình thấy rằng, mình có mặt là bởi vì cha mẹ mình đã có mặt, và cha mẹ đã luôn luôn có mặt ở trong mình. Dù mình có đang ở Sài Gòn hay Hà Nội, có ở Mỹ hay Pháp, chỉ cần nhìn

bàn tay của mình trong chánh niệm, tỉnh giác và từ bi mình sẽ tiếp xúc được với cõi rỗi của mình và từ đó cảm giác cô đơn của những người con tha hương sẽ không có cơ hội trỗi dậy.

Chúng ta đi những bước đi là không những đi cho chúng ta, hay đi cho cá nhân ta, mà là đi cho cha mẹ mình. Cha mẹ mình có an toàn hay không, là tùy thuộc vào bước chân an toàn của chính mình. Mình cười, mình thở cũng là cười và thở cho cha mẹ mình. Ngay cả mình học, mình đỗ đạt, cũng chính là học và đỗ đạt cho cha mẹ mình. Kỳ thi Đại học vừa qua, có những em bị rớt không vào đại học được, trong gia đình cha mẹ buồn thiu như là nhà có đám tang vậy, và dọn cơm ra không ai ăn được cả. Rõ ràng là chúng ta đâu phải học cho cá nhân mình, mà là học cho cha mẹ mình, cho anh em mình, cho gia đình mình và cho cả xã hội. Người đệ tử Phật nhìn sâu



vào sự hiện hữu của mình, mình sẽ nhận ra rằng, mình luôn luôn hiện hữu với cha mẹ mình, với anh chị em mình, với bạn bè mình và hiện hữu cho cả xã hội. Khi nghe bạn mình thi rớt, chúng ta cũng ăn không được. Rõ ràng, mình đâu chỉ học cho riêng mình, mà còn học cho bạn mình.

Ta hiện hữu là hiện hữu với Thầy của mình, trong đời sống của mình có Thầy của mình. Nếu mình có những hành xử sơ suất, thì không những mình bị thiệt hại, đau khổ mà Thầy mình cũng buồn, cũng đau khổ. Có một vị Thầy ở trong Đà Nẵng ra Huế thăm tôi, thăm quý Thầy ở Từ Hiếu và sau đó Thầy đó bày tỏ lòng biết ơn đối với Hội đồng giáo thọ tại tổ đình Từ Hiếu, đã chăm sóc người học trò của vị đó một cách rất là chu đáo. Sau thời gian ở đây, người học trò của vị đó đã trở về lại trú xứ và đã hướng dẫn cho Phật tử tu tập rất có hiệu quả. Như vậy, mình tu không phải chỉ là tu cho

mình, mà còn tu cho Thầy mình; mình học không phải chỉ đem lại vinh quang cho bản thân mình, mà còn đem lại vinh quang cho Thầy mình, cho những người đồng cảm với mình. Trong mỗi động tác đều có cha mẹ, có Thầy, có bạn của mình. Nếu động tác của mình sơ suất, xuống hố, thì Thầy của mình cũng rơi xuống hố, cha mẹ của mình cũng sẽ rơi xuống hố, và bạn bè mình cũng vậy. Nếu động tác của mình thăng tiến, thì mình thăng tiến, cha mẹ mình thăng tiến, Thầy mình cũng thăng tiến và bạn bè mình cũng thăng tiến. Khi có chánh niệm tỉnh giác, mình thấy được như vậy, thì trong từng giây phút mình đi đâu, ở đâu cũng có cha mẹ, có Thầy, có bạn bè ở trong mình. Nếu mình không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì mình sẽ không thể biết ơn cha mẹ, biết ơn Thầy, bạn một cách sâu sắc được. Nhìn kỹ, mình sẽ thấy trong đời sống của mình có sự hiện hữu của tất cả mọi người.

Chúng ta ăn cơm chánh niệm, chúng ta phải thấy những thực phẩm mà chúng ta khát thực là từ tâm hồn của những người dâng cúng. Những người dâng cúng mỗi người, mỗi kiến thức để nấu và chế tác ra món ăn, rồi đem món ăn đó về quần tụ ở nơi một đạo tràng tu học, và đặt những thực phẩm vào những vị trí đã được quy định. Và chúng ta cùng đi khát thực, chúng ta đã tiếp xúc được rất nhiều món ăn ở trong một bữa ăn, và rất nhiều món ăn trong một bát cơm.

Bát cơm mình ăn, đâu phải chỉ là của mình, mà còn có mặt của bác nông dân, có mặt của chị bán rau cải, có mặt của bác thợ rèn,... Nếu không có bác thợ rèn, mình không thể nào có dao để gọt nưa, gọt trái cây và cắt cho đảng hoàng được. Có người làm đậu khuôn, có chị làm chả, có anh làm nấm, có người xay gạo, người giã gạo, có người nấu cơm, có ông giám đốc và nhân viên nhà máy

đền, nhà máy nước, có những nhà sản xuất chén bát, có giám đốc và nhân viên ngân hàng,... Cho nên, chúng ta phải thấy bát cơm của ta ăn là một bát cơm được tạo ra từ một trường đại học bách khoa thực tiễn của đời sống. Nên, nhìn sâu vào một bát cơm bằng tuệ giác, ta sẽ cảm thấy rất hạnh phúc và rất sung sướng. Ăn một miếng cơm mà có mặt của nhiều người như vậy, nếu mình ăn với một lòng tham, ăn mà lật đật, thì làm sao xứng đáng! Thường thường mình hay phụ bạc nhau một cách rất là ghê gớm, nếu mình không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi trong khi ăn.

Chúng ta thử nghiệm mà xem! Mẹ mình ở nhà lật rau muống, nấu cơm, nấu canh,... rồi dọn lên sẵn trên bàn cho mình; vợ mình hay chị mình nấu cơm, nấu canh, làm thành những thực phẩm của một bữa ăn, rồi dọn sẵn lên bàn ăn cho mình bằng tất cả tấm lòng, nhưng khi ta đi làm việc về

đến nhà, ta ăn, rồi chê mặn, chê nhạt, hoặc chỉ lùa lùa ba miếng cho xong chuyện, rồi lại xem tivi, xem đá bóng. Ta sống và ăn như vậy, thì đời sống của ta quả thật là phụ bạc và vô vị! Tại sao mẹ mình, vợ mình, chị mình đã thương và lo cho mình những thực phẩm để ăn như vậy, mà mình không ngồi vào bàn để mà ăn cho đàng hoàng và sâu sắc, để mà thấy tâm hồn của mẹ mình, của vợ và của chị ở trong tô canh, ở trong bát cơm? Con người ăn mà không biết giá trị của cái ăn và những gì đã tạo nên cho cái ăn ấy, đó là con người gì? Khi con người đã coi thường ân nghĩa của chính cha mẹ mình, của những người thương yêu mình, thì người đó sẽ là người như thế nào ở trong cõi người? Ông triết gia Tây phương E.Fromm nói thế kỷ 20 là thế kỷ mà con người đã chết. Đã chết là vậy đó! Chết từ trong tâm hồn của mình, chết từ trong bữa ăn của gia đình mình,

chết từ trong dòng họ của mình, và chết từ trong cuộc sống của mình.

Thực tập chánh niệm, tỉnh giác và từ bi là lấy lại chủ quyền của con người trong đời sống hằng ngày của mình, để trong đời sống hằng ngày của con người, khi nào cũng có mặt của cha mẹ mình, thầy mình, bạn bè mình, những người thương yêu của mình, đồng loại của mình, và đâu phải chỉ là đồng loại mà là cả muôn loài. Ta không thấy thực vật, nó luôn có mặt trong bữa ăn của mình đó sao! Khi một thực vật được hoàn thành để trở thành thức ăn, thì không biết bao nhiêu loài chúng sinh đã chết trong thực vật đó, để cho mình ăn. Bao nhiêu con sâu đã phải hy sinh thân mạng của chúng bởi một xị thuốc rầy, để mình có được một miếng rau tươi!

Cho nên, nếu ăn một miếng cơm mà có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì mỗi miếng cơm

là một niềm hạnh phúc lớn, chứ không phải đến lúc ăn no mới hạnh phúc. Khi đưa muỗng cơm chạm vào trong miệng mình, đó là một hạnh phúc lớn, một cảm giác kỳ lạ trong đời sống của chính mình. Hạnh phúc lớn là ở đó, chứ không phải hạnh phúc là ở nơi miếng thịt, nơi ly bia, ly rượu. Chúng ta có thể ăn ít cũng được, nhưng mà phải ăn cho sâu sắc.

Với chất liệu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi này, dù trải qua bao thời đại, người đệ tử Phật không bao giờ là kẻ phản bội. Họ ở trong gia đình, thì họ xây dựng gia đình tốt đẹp, họ ra giữa làng xã, thì họ xây dựng làng xã tốt đẹp, họ ở trong quốc gia nào, thì họ sẽ xây dựng quốc gia đó trở thành ra tốt đẹp. Vì một vị đệ tử Phật có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, vị ấy biết rất rõ ràng, đối với đời sống, ta nên làm gì và không nên làm gì. Nên, vị ấy sống ở đâu thì họ làm đẹp ở đó

và có sự hòa bình ở đó. Điều đó là điều mà lịch sử loài người đã xác chứng.

Bởi vì hạnh là nếp sống, là văn hóa, đạo đức, là chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, là tuệ quán minh triết, là niềm tin sáng trong, thuần tịnh. Hạnh của người đệ tử Phật là gì? Là hành, là nếp sống. Mà nếp sống của người đệ tử Phật là nếp sống có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, có quán chiếu minh triết, có niềm tin sáng trong thuần tịnh. Trong chánh niệm, vừa có giới, tức là niềm tin đạo đức. Trong chánh niệm, vừa có định, tức là sự vững chãi. Và trong chánh niệm, vừa có tuệ, tức là sự quán chiếu sâu sắc, sự hiểu biết minh triết. Chính những cái đó tạo ra cái hạnh của người đệ tử Phật.

Trong đời sống của một con người, có khi thăng, khi trầm, khi tán, khi tụ, khi buồn, khi vui. Đời sống của một gia đình cũng vậy, khi thăng,



khi trầm, khi tán, khi tụ, khi buồn, khi vui. Giàu đó rồi nghèo đó, vinh đó, rồi nhục đó, phú quý đó, rồi cơ hàn đó, đoàn tụ đó rồi phân ly đó. Mình nhìn kỹ, thì gia đình nào cũng có tình trạng như vậy hết, nhưng mà gia đình có chất liệu đệ tử của Phật, thì khi giàu mình cũng có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, khi nghèo mình cũng có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, khi vinh cũng như khi nhục, luôn giữ được chất liệu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Nếu mình mất chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, mất niềm tin trong sáng, trong đời sống hằng ngày, thì người đệ tử Phật xem như là mất hạnh, mất nét, mất nếp sống của mình. Và khi nếp sống của mình đã mất, thì mình không còn có cơ hội gì để gọi là biết ân Thầy, bạn, cha mẹ, mọi người. Mỗi khi đã không biết ân, thì làm sao bảo vệ? Có biết ân cha mẹ, mình mới bảo vệ thanh danh của cha mẹ mình. Có biết ơn Thầy, mình

mới bảo vệ danh tiết của Thầy, mình mới đi theo cái khí tiết của Thầy mình. Có biết ân bạn bè, thì mình mới sống có nghĩa. Có biết ân quê hương xứ sở, thì mình mới bảo vệ quê hương. Có biết ơn con người, thì mình mới chăm sóc, mới trân trọng quyền sống của con người.

Chúng ta thấy ân nghĩa, hiếu kính, nhân quyền, cũng đều từ nơi chánh niệm tỉnh giác, từ bi mà ra cả. Nếu không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi, thì không có tuệ, và không có tuệ thì đâu có thấy được sự liên hệ giữa mình và người. Giới định tuệ là chất liệu xuyên suốt trong mọi lãnh vực, trong mọi hành xử của người đệ tử Phật mà chánh niệm, tỉnh giác và từ bi cần phải thực tập miên mật để giới định tuệ luôn luôn sống động và hiện tiền.

Đám mây ở trên trời không có liên quan gì đến mình ở dưới đất này hết. Nghĩ như vậy và nói như vậy, tức là không có chánh niệm, tỉnh giác.

Đám mây ở trên trời nó vẫn có liên quan chặt chẽ với mình. Giả như đám mây đó bị nhiễm độc, và một trận mưa rơi xuống, thì liệu ở dưới này mình có thanh thoi được hay không? Nếu đám mây bị vẫn đục, nó đi vào trong không khí, vào trong nước mưa, nó rơi xuống, thì cả thế gian này đều lãnh sẹo hết. Nếu có dịp, chúng ta đi về biển, ngắm mặt trăng, ngắm sóng biển, chúng ta sẽ thấy được sự liên hệ rất là chặt chẽ của chúng. Khi mặt trăng lên là nước biển lên, và nước biển lên như là nó đùa giỡn với mặt trăng vậy. Nó đẹp đến thế! Với con mắt của phàm tục, con mắt thiếu chánh niệm, tỉnh giác, thì mình sẽ thấy mặt trăng và sóng biển không có liên hệ gì với nhau cả. Khi ta có chánh niệm, tỉnh giác, thì ta nhìn cái gì cũng vui, đi đâu mình cũng có bạn cả, mặt trời là bạn mình, đám mây bạc là bạn mình, núi xanh là bạn mình, con đường, đám hoa dại, con còng còng bò trên bãi cát

cũng đều là bạn mình,... Vậy thì có gì mà ta lại sợ cô đơn! Lẽ đương nhiên chúng ta phải thực tập để có được chất liệu chánh niệm tỉnh giác, có chất liệu của tuệ quán minh triệt trong đời sống hằng ngày, để niềm tin sáng trong của chúng ta có thể khởi sinh từ chất liệu thực tập ấy, khiến chúng ta có thể cảm nhận được rằng: “Sự sống là tất cả”.

*Phát khởi bản nguyện cứu giúp ba cõi*

Ba cõi ở đây tức là: Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới. Dục giới có nghĩa là chúng sanh ở cõi đó lấy tham dục làm gốc. Sắc giới tức là chúng sanh ở nơi cõi này đắm chìm vào nơi những kiến thức của mình, những nhận thức sai lầm, và họ sống nhờ vào những kiến thức, những nhận thức đó. Vô sắc giới nghĩa là chúng sanh ở nơi cảnh giới này sống nhờ vào tưởng, tức là lấy tư tưởng làm bản chất của cuộc sống. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có dạy rằng:

“Tam giới bất an  
Do như hỏa trạch”.

Nghĩa là:

“Ba cõi không an  
Giống như nhà lửa”.

Chúng sanh ở Dục giới thì bị tham dục ngày đêm đốt cháy, làm cho oi bức, làm cho thiêu rụi cả phước đức và trí tuệ. Một người nghiện rượu sẽ bị rượu thiêu đốt. Tư cách, hiểu biết của vị đó cùng sự an lạc và hạnh phúc của người đó bị đốt cháy bởi rượu. Một người tham tiền thì bị tiền đốt cháy, nó đốt hết nhân cách, đốt hết liêm sỉ, đốt hết công lý. Mình tham cái gì thì bị cái đó đốt cháy.

Chúng sanh ở nơi Sắc giới, vì bị đắm chìm vào nơi những kiến thức, tri kiến, những luận lý và bị những tri kiến, những luận lý đó đốt cháy sự an lạc và hạnh phúc của họ. Chúng ta thấy khuôn mặt của các vị học giả thường thường gầy ốm và xương xóc. Trí thức và những tư duy của họ, đã đốt cháy những năng lượng sống trong cơ thể của họ, họ đã bị bận rộn bởi những trí thức và tư duy, khiến cho tâm hồn và mặt mày của họ khó mà thanh thản được. Có khi người vợ của họ ngồi

một bên họ mà họ cũng không có cảm giác gì cả. Nêu họ có nói chuyện với vợ của họ, thì vợ của họ cũng chẳng hiểu được gì do họ nói. Tại sao? Tại bởi họ đang bị đắm chìm ở trong thế giới kiến thức, trong thế giới suy tư, trong thế giới luận lý, trong những thế giới tri thức của họ, nên họ dễ bị những cái đó đốt cháy sự an lạc và thanh thoi. Chúng sanh ở nơi Sắc giới bị đốt cháy bởi tất cả những kiến chấp và kiêu mạn của họ, nghĩa là họ bị đốt cháy bởi tâm kiêu mạn và ái kiến. Chúng sanh ở Vô sắc giới bị đốt cháy bởi tướng uẩn. Chúng sanh ở nơi cõi này họ ái về tướng, nên tướng là người yêu của họ. Chúng sanh ở trong ba cõi này bị trói bởi dục ái, sắc ái, vô sắc ái, nên người đệ tử Phật phải phát khởi bản nguyện sống ở trong tam giới, để giúp chúng sanh ở trong tam giới vượt ra khỏi tam giới. Bởi vậy, làm đệ tử Phật, mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng,

thọ trì năm cấm giới, tức là mình đặt cho mình một nền tảng, một bước đi siêu việt vượt ra khỏi ba cõi. Còn nằm trong ba cõi, thì dù có giàu đến mấy cũng nghèo, dù có sang đến mấy cũng hèn, vì tất cả đều bị các dục ở trong ba cõi đốt cháy và không thể có hạnh phúc hoàn toàn. Đó là điểm đặc biệt của đạo Phật, của những người học Phật và tu Phật nhìn thấy.

Học Phật là học cái gì? Tu Phật là tu cái gì? Là học cách để vượt ra khỏi ba cõi. Tu Phật là để loại trừ những hệ lụy ở nơi Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới. Mình chỉ có thông dong, tự tại, khi những hạt giống Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới ở nơi tâm ta đã bị tiêu diệt. Chừng nào ba loại hạt giống đó bị tiêu diệt ở nơi tâm ta, thì ta mới có thông dong, mới có tự tại, ta mới đến đi như là người khách dạo chơi trong ba cõi, không hề bị những dơ bẩn trong ba cõi làm cho ta xấu kém đi.



Một người Phật tử, sống với Tâm và hình khác đời, Làm hưng vượng dòng dõi bậc Thánh, Nhiếp phục ma quân, Nghĩ đến công ơn tương quan, và Phát khởi đại nguyện, thì người Phật tử đó, sẽ không bao giờ bị lạc hậu. Đó là văn minh vốn có, mà không cần ai hiến tặng cho mình. Những chất liệu đó, ta phải thực tập chánh niệm, tỉnh giác và từ bi để duy trì giới định tuệ, khiến chúng luôn luôn có mặt trong mọi hoạt động hiện tiền của ta.

Mình không thể có bước đi siêu việt là vì mình không có giới định tuệ và thực tập miên mật chánh niệm, tỉnh giác và từ bi để cho giới định tuệ luôn luôn hiện tiền. Mình không có chất liệu tâm và hình khác tục hiện tiền là bởi trong mình không có chất liệu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Mình không có chất liệu làm hưng vượng dòng dõi bậc Thánh hiện tiền là bởi trong mình không

có chất liệu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Mình không đủ khả năng để nhiếp phục ma quân hiện tiền là bởi trong mình không có chất liệu chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Mình không có khả năng để báo đáp công ơn của Thầy bạn, của cha mẹ, của mọi người, mọi loài và bảo vệ môi sinh hiện tiền là bởi trong mình không có chất liệu của chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Mình không phát khởi được nguyện lớn để cứu giúp chúng sanh trong ba cõi ngay trong hiện tiền là bởi mình không có chánh niệm, tỉnh giác và từ bi. Cho nên, chánh niệm, tỉnh giác và từ bi là một sự thực tập cụ thể và xuyên suốt của giới định tuệ, làm cho những chất liệu ấy, luôn có mặt hiện tiền trong ta và nó có khả năng duy trì sự thăng tiến, để cho chúng ta thành tựu được những yếu tố đó trong đời sống của một người Phật tử. Và đó là hướng đi muôn thuở của một người đệ tử Phật. Nếu ta

bám sát được giới định tuệ, ta thực tập miên mật những chất liệu đó qua chánh niệm, tỉnh giác và từ bi là ta có được hướng đi cụ thể và trong sáng, ta sẽ không bao giờ lạc hậu, và bao giờ ta cũng mới toanh, khi nào cũng đẹp và văn minh cả. Đó là cái văn minh của sự sống.

Sau năm 75, đất nước đi về một mối, có nhiều vị tới khuyên tôi, Thầy nên về đời, đừng tu nữa, tu chi lúc này lạc hậu rồi. Không chỉ một mình tôi, mà hầu hết các giới tu sĩ thời đó đều được khuyên như vậy. Nhiều vị tu sĩ trẻ lúc đó đã cởi áo và ra về, đến 90%. Lúc đó không hiểu vì sao, nhờ Phật gia hộ hay sao, mà tôi thấy mình rất vững chãi, mới 24 tuổi thôi. Trong đầu tôi nghĩ, tu có gì mà lạc hậu hay là không lạc hậu, và thời nào lại không tu và ăn chay là văn minh, chứ sao lại bảo là lạc hậu? Cho nên, tôi vẫn tiếp tục đi con đường của mình và tôi có làm bài thơ “Bất động”:

“Đứng bất động giữa dòng đời biến động,  
 Mặc biên đời gió nghiệp thổi thị phi  
 Mặc cho ai cứ mãi nói thàm thì  
 Vẫn bất động trên đường ta đã định...!”

Bởi tôi hiểu rất rõ, tu không có gì lạc hậu, ăn chay không có gì lạc hậu. Ăn chay là để nuôi dưỡng sự hiểu biết và thương yêu trong đời sống của mình hằng ngày, thì sao lại là lạc hậu! Có thời đại nào từ chối sự hiểu biết và thương yêu? Nên chuyện ăn chay là chuyện rất văn minh, bởi vì nó nuôi dưỡng sự hiểu biết và thương yêu trong đời sống con người. Con người thông minh và văn minh, có nguyện lớn, có bản lĩnh mới ăn chay. Dù thời đại có văn minh mấy đi nữa, thì con người cũng không dám từ chối sự hiểu biết và không dám từ chối sự thương yêu. Có đôi người ăn chay là bởi họ muốn cầu cạnh một cái gì đó, cho nên khi cái cầu cạnh đó không được, thì họ bỏ chuyện

ăn chay. Còn tôi có phải ăn chay là để cầu cạnh ai đâu, tôi ăn chay là để phát huy, để nuôi dưỡng sự hiểu biết và thương yêu trong đời sống hằng ngày. Tôi nghĩ rằng, thời đại nào, dù con người có cực kỳ văn minh đến mức nào, thì cũng không thể dám từ chối sự hiểu biết và thương yêu. Ăn chay là để nuôi dưỡng sự hiểu biết và thương yêu, tại sao mình từ bỏ? Nên chúng tôi vẫn ăn chay mà ăn chay hết sức khoa học.

Năm 75, chúng tôi đi làm ruộng. Ba giờ sáng Thầy trò chúng tôi đã dậy - tôi, Ôn Phước Duyên, Thầy Thái Nguyên và điệu Tiết. Điệu nhỏ dậy đánh chuông, và ba thầy trò tôi vác cuốc đi ra đồng cách chùa năm cây số, mặc quần đùi cuốc đất rang. Cuốc rất là vui. Nghĩa là nhịn đói đi cuốc, và cuốc xong rồi cỡ khoảng 8 giờ, chú điệu mới qua chợ Thông để mua một ít sắn, hay một ít thức ăn gì đó rồi đem ra đồng. Ba thầy trò tôi ăn

bữa lữ và tiếp tục cuộc. Chúng tôi vẫn sống hạnh phúc, là bởi vì hướng đi của chúng tôi đã quá rõ ràng và đích thực. Cho nên, dù có cuộc đất hay có làm bất cứ việc khó khăn gì, thì cũng không làm cho ý chí của chúng tôi bị tê liệt, hay bị sòn đi chút nào hết. Và có phải là cuộc đất xong là được đâu. Nhổ má, đi cấy, rồi làm cỏ. Trong ruộng có một loại cỏ, gọi là cỏ ma. Ấy là loại cỏ mà mình vừa làm xong, đi tới một đoạn, quay nhìn lại là nó ngẩng đầu lên nhìn lại mình. Cho nên, gọi là cỏ ma. Phải trở nước cho ruộng khô đi, sau đó mới dẹt nó dưới bùn, thì nó mới chịu chết. Và có phải như vậy thôi đâu. Khi lúa chín, chúng tôi đi cắt. Bản thân tôi đã gánh lúa chạy bộ năm cây số, gánh lúa từ ruộng chạy về đến chùa, đâu phải có máy đập, mà phải tuốt bằng máy đập chân. Tuy vậy, chúng tôi lúc đó vẫn cảm thấy rất hạnh phúc. Hạnh phúc ở chỗ là mình chấp nhận cái khó khăn

để duy trì và tiếp tục đi theo định hướng tu tập của mình.

Người đệ tử Phật, khi đã thấy được hướng đi và hoàn cảnh của mình rồi, thì mình không có ngại bất cứ một sự khó khăn nào. Lẽ đương nhiên, hoàn cảnh khi nó thế này, khi nó thế khác, nhưng mình đừng có đánh mất hướng đi của mình, hễ đánh mất hướng đi, thì mình sẽ bị dập theo cảnh. Cho nên, chúng tôi đã không để mất hướng. Khi đã có định hướng rồi, trong hoàn cảnh thực tế xảy ra cho từng cá nhân, cho từng gia đình hay đoàn thể, có khi thuận lợi, có khi không, nhưng chúng ta phải bám sát định hướng. Nếu chúng ta không vạch được hướng đi, thì khi thuận lợi ta thành công, còn giả như bất trắc xảy ra thì ta sẽ "trở tay không kịp", và sẽ trở thành mù lòa trước cuộc sống.

Những chất liệu này rất cần được chia sẻ cho

cho cộng đồng xã hội. Đối với bản thân, mỗi người tự vạch ra hướng đi cho chính mình không có đơn giản chút nào, vì tầm nhìn của chúng ta hạn hữu mà nghiệp chướng chúng ta lại quá sâu dày, nên hướng đi của ta ngày hôm qua là đúng mà ngày nay đã sai, sáng hôm qua hướng đi của ta được mọi người tung hô, nhưng chiều nay ta cũng đang đi theo hướng ấy, mà đã bị mọi người lên án và đả đảo.

Đối với những nhà lãnh đạo, vạch ra hướng đi chung cho một đất nước là rất khó, nếu họ không hiểu hết địa lý, lịch sử phát triển của đất nước họ, và nghiệp duyên của dân tộc họ. Và cho dù họ có hiểu hết địa lý và lịch sử phát triển của dân tộc họ đi nữa, mà họ cũng không có khả năng nào để hiểu hết nỗ lực cá nhân và cộng đồng của dân tộc họ, thì hướng đi họ vạch ra cho cả dân tộc của họ cũng chỉ là sáng đúng chiều sai,



hay thập niên này đúng mà sang thập niên khác lại lạc hậu, hoặc thế kỷ này đúng mà thế kỷ khác không còn.

Đọc lịch sử dân tộc và nhân loại, ta biết có bao nhiêu triều đại xuất hiện nắm lấy vận mệnh đất nước và vạch hướng cho cả dân tộc của họ, nhưng rồi cũng chính là bấy nhiêu triều đại, và bấy nhiêu định hướng ấy đã bị con người của dân tộc họ chối từ và hủy bỏ. Không những bị chối từ và hủy bỏ mà còn bị lên án, ấy là bi kịch của mọi hướng đi mang đầy ngã tính và cục bộ.

Tóm lại, hướng đi nào mang đầy ngã tính, dù là ngã tính cá nhân hay cộng đồng đều là hướng đi không đích thực, hướng đi ấy đều bị con người chối bỏ. Dầu biết rằng, bản chất con người có chất liệu ích kỷ, nhưng con người thấy ai ích kỷ với họ, thì họ lại không thích, họ lại thích người khác đối xử với họ bằng khoan dung và độ lượng. Cái thích

ấy cũng là cái thích bất khả thi của con người.

Vì vậy, không một ai có thể vạch hướng đi cho con người, nếu không phải là chính họ?

Hướng đi mang ngã tính cá nhân, thì giữa cá nhân này đấu tranh và kỳ thị với cá nhân khác, và nếu hướng đi mang ngã tính cộng đồng, thì giữa cộng đồng này kỳ thị và đấu tranh với cộng đồng kia, khiến cho xã hội con người luôn luôn sống trong máu lửa và nước mắt.

Nên, hướng đi cho tất cả chúng ta là cần phải vượt ra khỏi ngã tính hư ảo, nhưng mỗi người phải tự nhìn thấy những điều kiện liên hệ của mình để vượt ra, mới có khả năng để sống cùng và sống với.

Hướng đi vô ngã là hướng đi văn minh và cao nhất, mà ở trong đó mọi người phải biết chấp nhận sự có mặt của nhau dưới nhiều hình thức, nhiều cách suy nghĩ và phải biết tôn trọng, bảo vệ

lẫn nhau và biết tạo điều kiện cho nhau đi tới hướng ấy, thì may ra, thế giới của con người mới không bị rơi vào vực thẳm của cái gọi là văn minh vật chất. Trong thời đại của chúng ta, con người hãy nói cho nhau biết rằng, bạn hiện hữu là để làm công việc của bạn và tôi hiện hữu là để tôi làm công việc của tôi, nhưng chúng ta không làm chướng ngại nhau, chúng ta mỗi người hãy nhiệt tình với công việc của mình để tiếp trợ và hỗ trợ nhau, và như vậy dù chúng ta mỗi người đang nhiệt tình làm công việc của mình, nhưng chúng ta không hề tách biệt nhau, chúng ta luôn luôn có mặt trong nhau.

Cách đây khoảng 10 năm, những Nhà lãnh đạo đất nước có cho tổ chức một Hội nghị về Tuệ Trung Thượng Sĩ và gần đây là Hội nghị về tư tưởng Trần Nhân Tông, nhằm quay về nguồn để tìm lại hướng đi cho dân tộc.

Trong những hội nghị ấy, nếu không nhận ra được, chính Tuệ Trung Thượng Sĩ và Trần Nhân Tông hay bất cứ nhân vật nào trong lịch sử của dân tộc và nhân loại đều do biết khởi hành cuộc sống theo hướng vô ngã, vị tha, nên chính cuộc đời của những vị ấy, mới đem lại nhiều lợi ích cho đất nước và con người một cách tự nhiên, thì những Hội nghị ấy là những Hội nghị chưa nói được trọng điểm của vấn đề.

Khởi hành theo hướng đi Vô ngã làm dẫn sinh trí tuệ, khởi phát bản nguyện giúp đời, làm sinh khởi Đại bi, hai chất liệu ấy trộn quyện vào nhau, làm hướng đi và phong cách hành động cho những người con Phật xuyên suốt mọi thời đại, mọi phương sở.

***Không phải là phật giáo***

Trong đời sống hàng ngày, ta thiếu định tâm là ta thiếu tất cả. Ta niệm Phật mà không có định tâm là việc niệm Phật của ta không thành. Ta trì tụng Minh chú mà ta không có định tâm, thì việc trì tụng Minh chú của ta không có kết quả. Ta Thiền tập mà không có định tâm, thì việc Thiền tập của ta không có nội dung. Ta hiến tặng phẩm vật của ta đến cho mọi người, mà không có định tâm, thì cả người trao và người nhận đều không làm thay đổi được cuộc sống. Và nếu ta làm bất cứ công việc gì mà thiếu định tâm, thì công việc của ta rất dễ bị hỏng. Nên, dù làm bất cứ việc gì, ta cần phải có định tâm và dù ta thực tập bất cứ pháp môn nào của Phật giáo đi nữa, thì trước hết là phải có nội dung của định tâm.

Mọi hình thức biểu hiện của Phật giáo là mọi hình thức được biểu hiện từ định tâm. Ta mặc chiếc áo hay ăn bữa cơm mà thiếu nội dung của định tâm, thì chẳng khác nào trâu bò ăn cỏ mà thân thể của chúng lại mang lông, dòi sùng. Ta thuyết pháp mà thiếu định tâm, thì pháp ta nói ra chỉ là một mớ kiến thức trống rỗng và ta biểu hiện dung nghi và diễn đạt thanh âm nghi lễ Phật giáo mà thiếu định tâm, thì chẳng khác nào ta đang là một người xiếc hay một ca sĩ đang biểu diễn trên hý trường.

Vậy, định tâm do đâu mà có? Do ta thọ trì giới pháp hay do ta thực tập niệm Phật, thực tập trì tụng Minh chú hay thực tập Thiền mà có. Thực tập các pháp môn ấy đều có khả năng đưa ta đi tới định tâm. Nên, định tâm là mục tiêu trước nhất của hết thảy pháp môn cần phải đạt tới, chứ không phải chỉ có Thiền. Nếu thực tập hết thảy

pháp môn, mà ta không đi tới được với mục tiêu này, là sự thực tập của ta chưa có gì thành công, và mọi sự truyền đạt của ta không có hiệu năng nhiếp phục và chuyển hóa.

Ta có thể đi tới với định tâm qua niềm tin của Giới hay Tịnh độ, qua niềm tin Minh chú, qua niềm tin Thiên định hay qua niềm tin của Trí tuệ và Từ bi. Và trong sự thực tập, ta có thể biến những niềm tin ấy trở thành hiện thực, qua sự tinh cần và giác niệm của ta với những hoạt động hàng ngày như đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, ăn uống, làm việc.

Nếu ta không có niềm tin, thì sự tinh cần của ta không có mục tiêu, và như vậy ta không thể duy trì sự giác niệm của ta lâu dài để từ đó khiến chánh niệm sinh khởi trong ta. Và nếu ta không có chánh niệm, thì định tâm hay chánh định trong đời sống của ta không có cơ sở để sinh khởi.

Và mục tiêu cuối cùng cho sự định tâm của

ta là sinh khởi tuệ giác. Tuệ giác sinh khởi từ thiền định gọi là tuệ giác có nội dung của chánh kiến hay là chánh tuệ.

Nên, ta thực tập pháp môn niệm phật qua tín, qua tấn, qua niệm là để đi tới định và tuệ; hay ta thiền tập qua tín, qua tấn, qua niệm là để đi tới định và tuệ; hoặc ta thực tập trì tụng minh chú qua tín, qua tấn, qua niệm là để đi tới định và tuệ.

Định có tác dụng làm cho tâm ta vững chãi và sâu lắng. Tuệ có tác dụng làm cho tâm ta tỏa sáng và soi chiếu cùng khắp. Tuệ càng sáng lên bao nhiêu, thì không những, những vùng hoạt động của ý thức nơi tâm ta được chiếu soi bởi tuệ mà những vùng nằm sâu tận đáy cùng của tâm thức cũng được soi chiếu và tỏa sáng bởi tuệ.

Nên, khi tuệ soi chiếu và tỏa sáng trong cái nhìn của ta, khiến ta nhìn mọi hình sắc qua mắt, mà mọi hình sắc không thể đánh lừa được ta. Ta không



thể nào bị làm lẫn giữa hình sắc chân thực và hình sắc đối trá. Ta không thể nào bị chi phối bởi những cảm giác khổ vui do mọi hình sắc đem lại.

Vì vậy, ta có tự do trong cách nhìn đối với mọi hình sắc, ta có cái thấy tự do và ta có tự do trong mọi cái thấy.

Khi cái nghe của ta có mặt của tuệ, thì mọi âm thanh không thể đánh lừa được ta. Ta không thể làm lẫn giữa âm thanh chân thực và âm thanh đối trá.

Vì vậy, ta không bị cuốn hút bởi âm thanh, nên đối với mọi âm thanh ta đều có tự do. Ta không bị chi phối bởi những cảm giác khổ vui do những âm thanh đem lại. Ta có cái nghe tự do và ta có tự do trong mọi cái nghe.

Khi cái ngửi của ta có mặt của tuệ, thì mọi mùi hương không thể đánh lừa được ta. Ta không thể bị làm lẫn giữa hương thơm chân thực và hương thơm đối trá.

Vì vậy, ta không bị cuốn hút bởi mọi hương thơm, nên đối với mọi hương thơm ta đều có tự do. Ta không bị chi phối bởi những cảm giác khổ vui do mọi hương thơm đem lại. Nên, ta có cái ngửi tự do và ta có tự do trong mọi cái ngửi.

Khi cái nếm của ta có mặt của tuệ, thì mọi mùi vị không thể đánh lừa và cuốn hút được ta. Ta không thể lầm lẫn giữa mùi vị chân thực và mùi vị dối trá.

Vì vậy, ta không bị cuốn hút bởi mọi mùi vị, nên đối với mọi mùi vị ta đều có tự do. Ta không bị chi phối bởi mọi cảm giác khổ vui do mọi mùi vị đem lại. Nên, ta có cái nếm tự do và ta có tự do trong mọi cái nếm.

Khi thân ta tiếp xúc với sự có mặt của tuệ, thì mọi đối tượng tiếp xúc của thân không thể đánh lừa được ta. Ta không thể bị lầm lẫn giữa sự xúc tiếp chân thực và sự xúc tiếp dối trá.

Vì vậy, ta không bị cuốn hút bởi mọi đối tượng tiếp xúc của thân, nên đối với mọi đối tượng tiếp xúc của thân ta đều có tự do. Ta không bị chi phối bởi mọi cảm giác khổ vui do thân tiếp xúc với mọi đối tượng đem lại. Nên, ta có cái tiếp xúc tự do của thân và ta có cái thân tự do trong mọi sự tiếp xúc.

Khi ý của ta tiếp xúc với mọi đối tượng mà có mặt của tuệ, ta không bị mọi ảnh tượng của quá khứ ở trong tâm thức ta đánh lừa; ta không bị những viễn tượng tương lai ở trong tâm thức ta cuốn hút; và ta cũng không bị những ảo giác hiện tại của tâm thức ta trói buộc. Vì tuệ cho ta thấy, quá khứ chỉ là những ý tưởng có nội dung ẩn tượng tồn đọng và biểu hiện trên tâm thức ta; tương lai chỉ là những ý tưởng có nội dung dự tưởng và biểu hiện trên tâm thức ta, và hiện tại cũng chỉ là những ý tưởng có nội dung bám víu

và biểu hiện trên tâm thức ta, và tâm là một dòng chảy biểu hiện liên tục của nhân và duyên, và của duyên và nhân, nên đối với tâm không có quá khứ hiện tại và tương lai gì cả. Quá khứ, hiện tại và tương lai chỉ là những quy ước của các ý niệm trống rỗng, không thực thể, vì vậy đối với mọi thời gian ta đều có tự do. Và đối với mọi không gian đều là không gian duyên khởi vô ngã, không có tính thể nào cho chính nó, nên đối với mọi không gian ta đều có tự do. Ta không bị mọi cảm giác khổ vui do thời gian và không gian chi phối.

Vì do ý có mặt của tuệ, nên ta biết rõ không gian và tâm thức làm nền tảng cho mọi nhận thức của ta và là điều kiện cho mọi cảm giác và tri giác trong ta sinh khởi. Nhưng, không gian không phải là sở hữu của tâm thức và tâm thức không phải là sở hữu của không gian mà chúng có mặt trong nhau để làm nền tảng cho mọi sự hiện hữu, nên ta

không bị làm lẫn khi tiếp xúc giữa không gian và tâm thức, và không bị chi phối bởi những cảm giác khổ vui do không gian và tâm thức đem lại, và đồng thời ta cũng không bị chi phối bởi những cảm giác khổ vui do từ những niệm tưởng hay không phải những niệm tưởng. Vì vậy mà ta có tự do đối với tâm thức và với mọi đối tượng của tâm thức là tưởng.

Nên, ta có ý tự do và ta có cái tự do của ý.

Như vậy, mục đích cao nhất của các pháp môn tu tập là làm điều kiện cho tuệ giác sinh khởi và biểu hiện thường trực và tự nhiên ở nơi mọi quan năng nhận thức của ta, khiến ta thực sự có tự do trong mọi nhận thức.

Nếu ta tu tập mọi pháp môn mà không dẫn sinh được định và tuệ, thì các pháp môn ấy chưa giúp được gì cho thân tâm ta một cách thiết thực và không phải là mục tiêu lời dạy của đức Phật.

Nếu ta nghĩ rằng, thực tập các pháp môn giúp ta khỏa lấp sự trống vắng của tâm hồn hay thư giãn não trạng có tính cách sinh học, thì những thực tập ấy của ta không có khả năng giúp ta tháo gỡ những phiền não và tập khí ra khỏi tâm thức của ta, và không có khả năng làm cho đời sống của ta trở nên trong sáng và thánh thiện.

Nên, dù ta thực tập bất cứ pháp môn nào cũng phải bằng tất cả niềm tin của ta; bằng tất cả sự tinh cần và giác niệm của ta. Ta phải thực tập như vậy, thì định và tuệ mới có khả năng sinh khởi trong ta.

Định giúp tâm ta vững chãi trước mọi đối tượng mà các quan năng nhận thức của ta tiếp xúc. Và tuệ giúp cho tâm ta không còn hoạt khởi những ý niệm thiên ái nhiễm ô, có nội dung sai lầm của ngã tính.

Định là sự vững chãi của tâm, và tuệ là sự sáng chói của tâm. Ta sống với tâm có định và tuệ

cùng khắp, thì đến và đi, ẩn tàng và biểu hiện của ta đều là tự do.

Và cũng từ nơi tâm có định và tuệ cùng khắp ấy, mà vận khởi đại bi, có đủ bốn chất liệu từ, bi, hỷ và xả để làm lưu nhuận và an bình cuộc sống giữa mình và người; giữa mình và hết thấy chúng sanh. Và làm hải đảo an toàn cho hết thấy chúng sanh đang trôi dạt giữa đại dương sinh tử quay về nương tựa.

Vậy, tu tập đạt tới đỉnh cao nhất của Thiền là “kiến tánh”; và tu tập đạt tới đỉnh cao nhất của Tịnh độ là chứng nhập “Tự tính A Di Đà”. Và tu tập đạt tới cao nhất của Mật là “Biển nhập tỳ-lô-giá-na” của thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

Nhưng, ta lấy cái gì để “kiến tánh”, để “chứng nhập tự tính A Di Đà” và để “Biển nhập tỳ-lô-giá-na” của thế giới Liên Hoa Đài Tạng, nếu ta không có tuệ. Và lấy gì để có tuệ, nếu ta không có định; và lấy gì để có định, nếu ta không có niệm; và lấy

gì để có niệm, nếu ta không có tín và tấn.

Tín là niềm tin. Niềm tin của ta phải có gốc rễ từ Phật Pháp Tăng và Thánh giới, nên mọi sự tinh cần tu tập của ta dù là Thiền, Tịnh hay Mật đều phải có gốc rễ từ niềm tin này.

Nếu thiếu niềm tin này, sự thiền tập của ta chỉ là thư giãn mà không có khả năng dẫn ta đi tới “kiến tánh” để ta có đời sống giải thoát và tự do; nếu thiếu niềm tin này sự tu tập tịnh độ của ta chỉ là trốn chạy cảm giác trống vắng của tâm thức mà không thể nào “chứng nhập Tự tính A Di Đà” để tùy ý vắng sinh và thiết lập Tịnh độ; và nếu thiếu niềm tin này, thì mọi trì tụng Minh chú của ta chỉ là những phù phép kỳ dị gây mê hoặc lòng người, mà không có tài nào giúp ta “Biển nhập tỳ-lô-giá-na” để sống cùng với thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

Ta tu tập các pháp môn, tâm không dẫn sinh được định và tuệ là ta không có khả năng chặt đứt mọi hệ lụy phiền não của ta trong sinh tử, để ta có tự



do sinh ra và lớn lên trong đời sống Trí tuệ và Từ bi.

Nên, Trí tuệ và Từ bi là định hướng tu tập cho hết thảy pháp môn mang tên Phật giáo. Nếu ta tu tập thiếu định hướng này, thì mọi hình thức tu tập của ta đều không có nội dung Phật giáo và hẳn nhiên không phải là Phật giáo.

## *PHỤ MỤC*

### *Vị thầy của nhiều thế hệ*

#### *Truyền Trao Đèn Pháp*

Hòa Thượng Thích Trí Thủ là vị Thầy của nhiều thế hệ học tăng của các Phật học viện Báo Quốc Huế, Phổ Đà - Đà Nẵng, Hải Đức - Nha Trang, Quảng Hương Già lam - Sài Gòn. Cuộc đời của Ngài phần nhiều cống hiến cho việc đào tạo tăng tài và sự nghiệp hoằng pháp cho Đạo Phật Việt Nam hơn là những lãnh vực phật sự khác.

Đối với việc đào tạo tăng tài, Ngài đào tạo đầy đủ cả ba mặt Giới học, Định học và Tuệ học.

Đối với giới học, Ngài luôn luôn vận động chư tôn đức mở các đại giới đàn để thí giới cho các giới tử cầu thọ bao gồm cả giới tử xuất gia và

tại gia đủ cả giới Thanh văn và Đại thừa giới. Không những vậy, Ngài còn dạy giới luật cho các giới tử một cách cẩn mật và tế nhị. Ngài đã dịch và chú giải các luật Yết ma, Tứ phần làm tư liệu học tập cho các học tăng của nhiều thế hệ ở trong các Phật học viện.

Vì vậy, Ngài Giác Nhiên và nhiều cao tăng khác ở Huế đã tặng Ngài bức hoành với bốn chữ sơn son thiếp vàng: “Giới Châu Quang thí”. Nghĩa là vị Bồ tát có khả năng thực hành bố thí rộng rãi các loại châu báu của giới pháp”.

Đối với định học, có lần Ngài hỏi anh em học tăng chúng tôi rằng: “Quý vị có biết Đức Phật dạy pháp căn bản cho sự nhiếp tâm là pháp nào không?” Anh em chúng tôi chưa ai kịp trả lời thì Ngài lại dạy tiếp: “Pháp Tứ Niệm Xứ và Pháp ngũ đình tâm quán là pháp căn bản cho việc nhiếp tâm”.

Ngài kết hợp nhuần nhuyễn giữa Thiên Tông

và Tịnh Độ để dạy dỗ cho anh em tăng sinh chúng tôi. Ngài dạy: “Thiền là để định tâm và kiến tánh thành phật; Tịnh độ không phải chỉ để định tâm kiến tánh thành phật mà còn phải lập Tín, Hạnh và Nguyện để trang nghiêm tự thân và thế giới, nhằm báo đáp tứ ân, cứu giúp ba cõi”. Ngài đã khuyến khích học tăng chúng tôi, phải trang nghiêm tự thân và thế giới mỗi ngày, bằng cách mỗi buổi tối phải cùng nhau ngồi thiền tại chánh điện ít nhất là từ nửa giờ cho tới một giờ, và mỗi khuya cùng nhau lễ Phật 108 lạy, để nuôi dưỡng và tăng trưởng Tín, Hạnh và Nguyện.

Đối với tuệ học, Ngài đã chú giải Bát Nhã Tâm Kinh làm tư liệu cho anh em học tăng chúng tôi học tập.

Hòa thượng không phải chỉ dạy chúng tôi bằng lý thuyết mà bằng chính sự thực hành của Ngài.

Chúng tôi là những thế hệ học tăng theo học Phật học tại Phật học Viện Báo Quốc, Huế và đã

được Ngài tổ chức trao giới pháp cụ túc tại giới đàn Phước Huệ, tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang, năm 1973, do chính Ngài làm đàn chủ và Hòa Thượng Phước Hộ làm đàn đầu.

Tuy nhiên, bất cứ lãnh vực nào mà Ngài đã dẫn thân hành động, thì không phải Ngài làm cho mình, mà vì lợi ích của nhiều thế hệ học tăng, vì lợi ích của nhiều người, vì lợi ích của dân tộc, nhân loại và muôn loài. Hạnh nguyện của Ngài chỉ có một là *thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh*, nhưng hình thức để thực hiện hạnh nguyện ấy thì vô lượng.

Bài kệ niêm hương cúng dường vào buổi sáng của Ngài đã nói cho ta ý nghĩa ấy như sau:

“Phần hương nhất nguyện Pháp không vương  
Đại nguyện đồng tham biến cát tường  
Sát hải trần thân thi diệu lực  
Trầm kha chướng loại tận an khương”.

*“Đốt nén tâm hương dưới Phật đài  
Phổ hiển hạnh cả nguyện nào sai  
hiện thân cát bụi vào muôn nẻo  
chữa bệnh trầm kha khắp mọi loài”.*

Đối diện với kẻ ác để đấu tranh là người hùng, nhưng đi theo với kẻ ác để che chở cho những người hiền và biến kẻ ác trở thành người hiền thì không phải chỉ là người hùng mà là một vị bồ tát đích thực. Điều ấy, tôi đã học được từ vị Thầy của tôi.

### *Giữ tâm bình thường*

Năm 1977, tại Phật học viện Báo Quốc - Huế, Hòa thượng dạy luật cho anh em học tăng chúng tôi, trong giờ dạy luật Hòa thượng nói: “Bình thường tâm thị đạo”. Nghĩa là tu tập, ta phải giữ cho cái tâm của ta luôn luôn được bình thường. Cái tâm bình dị, thường tại ấy chính là đạo.

Học đạo là học cái tâm bình dị ấy nơi ta. Tu đạo là hành theo cái tâm bình dị ấy nơi ta mỗi ngày, trong bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, nhờ vậy mà ta có đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh để chế ngự và chuyên hóa tám vạn bốn ngàn trần lao phiền não ngày đêm chuyên hiện ở nơi tâm thức ta.

Hòa thượng dạy rằng: “Ta đi đến đâu, mọi người đem tâm bình dị mà đối xử với ta, ta biết

rằng, ta có thể sống lâu với người ấy và người ấy có thể sống lâu với ta. Người ấy với ta có thể trở thành thân hữu lâu dài. Ta có thể lưu trú lâu dài ở nơi trú xứ của người ấy để làm phật sự”.

“Ta đi đến đâu mà mọi người đem tâm rất mực cung kính ta, đãi đằng ta, cung đón ta với những lễ nghi trọng thể cầu kỳ, thì ta biết rằng, trú xứ ấy ta không thể sống lâu, mọi người trong trú xứ ấy không thể là thân hữu của ta lâu dài, sau khi hoàn tất công việc, ta nên cảm ơn họ và tìm cách từ giã, không nên dừng chân lâu để làm phật sự ở trú xứ đó. Tại sao? Vì sự trọng đãi tiếp rước như vậy, chúng không phải đi từ cái tâm giản dị, bình thường mà từ cái tâm cầu kỳ, mất bình thường. Cái gì phức tạp, cầu kỳ, mất bình thường, cái ấy không thể tồn tại lâu dài được”.

Đó là bài học mà tôi đã học được từ vị Thầy của tôi.



### *Giây bìm bị cắt*

Ở Phương trượng Tu viện Quảng Hương Già Lam, mỗi buổi sáng ba giờ là Hòa Thượng đã dậy, tĩnh tọa, uống nước trà và sau đó đi vào chánh điện Lễ Phật 108 lạy, theo nghi lễ sám mà chính Ngài đã soạn để hành trì.

Ngoài những khóa hành trì chung với đại chúng, Ngài còn hành trì riêng tại Phương trượng. Sau những thời khóa như vậy, Ngài còn tưới cây cho những cây kiểng trong vườn chùa. Việc tưới cây của Ngài không phải là để đối phó với những công việc như những người khác mà là một pháp hành từ bi rất thâm diệu.

Trước khi tưới, Ngài lượm hết tất cả những lá vàng trên cây, trên chậu và Ngài tưới chậm rãi từ ngọn cho tới gốc và từ gốc cho tới ngọn. Ngài

không phải chỉ tưới cho cây sống mà còn làm cho cây sống, xanh và sạch từ trên đọt cho xuống dưới gốc và từ dưới gốc cho đến trên đọt và từng kẽ lá.

Có lần Ngài vì Phật sự phải đi xa một tuần, đại chúng lại cử một vị khác chăm sóc vườn cây, chậu kiểng, nhưng vườn cây, chậu kiểng đã không xanh đẹp và sạch như chính Ngài đã chăm sóc. Trên chậu và cây có nhiều lá vàng úa, lại thêm cây bìm bìm leo nơi cây bò đề, đã bị một vị khác cắt đứt dây còn vắt héo trên cây, nhân đây Ngài đã gọi anh em chúng tôi mà dạy: “Quý vị tu tập phải chăm sóc tâm từ bi của mình mỗi ngày đừng bao giờ để khinh suất. Kinh Pháp Hoa, đức Phật dạy: “Dĩ từ tu thân”, quý vị đã học kinh Pháp hoa rồi mà!”.

Ngài dạy: “Tất cả muôn vật từ hữu tình đến vô tình đều có sự sống, nên khi ta ngắt một ngọn lá, chặt một cành cây, để sử dụng cho một công

việc phật sự nào đó là ta đều phải khẩn nguyện và chú nguyện cho nó với tất cả tâm từ bi của ta, trước khi ta hành sự. Nếu ta không làm như vậy, oán khí của cây sẽ chạm vào tâm ta, khiến cho đức hạnh và tâm từ bi của ta bị thương tổn”.

Hòa thượng dạy, người biết tu tập thì không có cử chỉ lớn nhỏ nào mà không biểu hiện đầy đủ cả đoạn đức, trí đức và ân đức của mình.

Ta biết tu tập, thì qua những động tác hàng ngày của ta, giúp cho ta thành tựu được phước đức do đoạn trừ được hết thảy phiền não mà có. Phiền não lớn thì phước đức teo lại, phiền não teo lại thì phước đức nở ra, phiền não không còn thì phước đức viên mãn, toàn vẹn ấy gọi là đoạn đức.

Ta biết tu tập, thì ta có giác và chiếu trong mỗi hành động hàng ngày của ta, khiến cho cái biết đúng dẫn sinh khởi trong ta, khiến cho ta không còn rơi vào những nhận thức sai lầm khi

sáu căn tiếp xúc với ngoại cảnh, vì vậy phước đức có mặt là do trí tuệ phát sinh trong đời sống của ta. Trí năng sinh đức, đức nuôi dưỡng trí.

Ta biết tu tập, biết thiết lập hạnh và nguyện để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh từ tâm bồ đề của ta, thì không có ý nghĩ, hành động và lời nói nào của ta là không chuyển tải chất liệu từ bi. Do hành động từ bi của ta đối với các loài hữu tình và vô tình mà phước đức của ta lớn lên và thành tựu từ đó. Vì vậy, gọi là ân đức.

Nếu không có đoạn đức và trí đức, ta không bao giờ thành tựu được ân đức. Đoạn đức và trí đức của ta càng sâu, thì ân đức của ta càng lớn. Đoạn đức và trí đức của ta càng lớn, thì ân đức của ta càng phủ khắp và thấm nhuần khắp hết thảy chúng sanh từ hữu tình đến vô tình.

Đó là bài học mà tôi đã học được từ vị Thầy của tôi.

*Thầy Châu Lâm còn đó*

Thầy Châu Lâm đã chết rồi ư! Không, Thầy vẫn còn đó chứ, dấu thân tứ đại của Thầy đã trở về nguyên uỷ, bản nguyện xuất gia, phụng sự chánh pháp và độ đời của Thầy vẫn còn đó với chính Thầy và vẫn đang đồng hành với anh em chúng tôi trong bất cứ lúc nào và ở đâu, với những hình thức đầy sinh động khác.

Tôi không quý thầy Châu Lâm với những nét bút bay lượn tài hoa, mà quý trái tim chân thật của Thầy đối với bằng hữu, trong những cơn mưa phùn lạnh điếng da người của cuộc sống.

Trong những lúc như vậy, chúng tôi cùng đi với nhau, cùng nói chuyện, cùng ăn cơm, cùng uống nước và cùng sưởi ấm cho nhau, bằng những năng lượng của tâm bồ đề và những trải nghiệm cuộc sống.

Ngày 20/05 năm Mậu Tý 2008, tôi đến chùa Châu Lâm dự kỵ thân phụ của cố Hòa Thượng khai sơn chùa Châu Lâm, Thầy Châu Lâm nắm tay tôi hỏi: “Thầy Thái Hòa đau mắt phải không? Tôi nói có, nhưng nhẹ thôi”. Bấy giờ, Thầy cười và nói “nếu nặng thì cũng không sao”. Rồi hai anh em chúng tôi cùng cười hể hả, xem việc đau mắt hay đau bất cứ cái gì thuộc về thân thể hay tâm hồn, đều là lẽ đương nhiên và đương nhiên, anh em chúng tôi phải biết cách bình dị cái đau ấy, trong lẽ sống bình dị của con người.

Thầy Châu Lâm nói với tôi, bữa nay tôi không hút thuốc lá nữa. Có một cư sĩ đứng bên cạnh liền hỏi: Tại sao vậy, bạch Thầy? Thầy Châu Lâm trả lời: “Mình thích hút, thì mình cứ hút, mà mình không thích hút thì mình không hút, hút hay không hút, mình đều chủ động, chứ mình không bị tác động bởi ai cả”.

Tôi rất thích câu nói ấy của Thầy. Câu nói ấy không phải thách thức gì với ai, nhưng nó đã khẳng định được khả năng tự chủ của Thầy, trong những tình huống thuận nghịch giữa lành và bệnh, giữa thích và không thích, giữa xuất xử và hành tàng, và ngay trong việc ứng xử của sự sống và chết. Thích hay không thích, mình đều có chủ quyền chứ không để cho cái thích hay cái không thích, tác động vào tâm hạnh của mình.

Tuệ Trung Thượng Sĩ đã nói: *“buông bốn đài không cần nắm bắt; tỉnh một đời đừng bước bốn ba! Thỏa nguyện, ta chừ vui sở thích; sống chết bây giờ có ngại chi!”*. Chết có ai mà thích, ở trong đời có mấy ai mà thích chết bao giờ. Nhưng đối với người biết tu tập, sống không những là đối tượng xâm nhập của thiên quán để khám phá **“diện mục”** của nó, mà chết cũng là đối tượng xâm nhập của thiên quán để khám phá và hội

nhập với “*mặt mũi xưa nay*” của nó để “ta chừ vui sở thích”.

Sở thích của thiền quán hay của Tuệ Trung Thượng Sĩ, không phải chỉ là sở thích tự chủ đối với cái mình ưa thích, mà còn sở thích tự chủ đối với cái mình không ưa thích nữa. Thích thể hiện cái không thích của mình, cũng là sở thích dưới con mắt thiền quán.

Tôi không dám ví Thầy Châu Lâm với Tuệ Trung Thượng Sĩ, và cho dù tôi có muốn ví đi nữa, thì Thầy Châu Lâm cũng chẳng bằng lòng, vì Tuệ Trung Thượng Sĩ có hạo khí “thích” của Tuệ Trung Thượng Sĩ và Thầy Châu Lâm có hạo khí “thích” của Thầy Châu Lâm.

Tuệ Trung Thượng Sĩ đã thể hiện hạo khí “thích” trong thời đại của Ông trong “*phóng cuồng ca*”, thì Thầy Châu Lâm đã thể hiện hạo khí “thích” ở trong thời đại của mình bằng “*phóng hạo bút*”.



Tuệ Trung Thượng Sĩ: “*buông bốn đại, không cần nắm bắt; tỉnh một đời dừng bước bốn ba!*”, để có “*phóng cuồng ca*”, cho thiền học, cho văn học; Thầy Châu Lâm cũng “*buông bốn đại, không cần nắm bắt; tỉnh một đời dừng bước bốn ba*”, dưới một hình thức khác, dưới một phong thái khác và dưới một ứng xử khác để có “*phóng hạo bút*”, đóng góp cho nền văn học thư pháp Việt Nam hiện đại.

Tuệ Trung Thượng Sĩ: “*thoả nguyện, ta chừ vui thích; sống chết bây giờ có ngại chi!*”, để đùa chơi với sống chết ngay trên giường bệnh; Thầy Châu Lâm thích hút thuốc, thì hút thuốc, thích không hút thuốc thì không hút thuốc, cũng để “*thoả nguyện, ta chừ vui sở thích*”, và Thầy cũng nằm yên một tuần để “*buông bỏ tứ đại không cần nắm bắt*”.

Trong một tuần nằm yên bất động của Thầy, đó ai mà biết được Thầy đang làm gì, đang nói gì và đang nghĩ gì trong cái bất động ấy? Và phải chăng bất động cũng là hạo khí và đại hạo khí của thời đại chúng ta, một thời đại do tâm điên đảo vọng tưởng của con người tác động vào cuộc sống, khiến cho thế giới con người ngày nay không phải chỉ là biến động hỗ dộng tự nhiên, mà biến động từ những manh tâm ngông cuồng, si loạn đến nỗi con người không còn là con người nữa. Ở trong một thế giới như vậy mà bất động, nếu không phải là hạo khí, thì nó là gì?

Có lần, Thầy Châu Lâm kể cho anh em chúng tôi nghe câu chuyện tiểu lâm trong một bữa ăn giữa hai người: “hôm ấy, trong mâm cơm của hai người cùng ăn, có một đĩa cá hai con. Một con to và một con nhỏ, người gấp trước, họ gấp con cá to để vào chén cơm của họ. Người đối diện

nói: theo phép lịch sự, người gắp trước, thì nên gắp con cá nhỏ, chứ không nên gắp con cá to. Người gắp con cá trước hỏi lại: Nếu ông gắp trước, thì ông gắp con nào? Người kia trả lời: Nếu gắp trước đương nhiên là tôi gắp con cá nhỏ. Người gắp con cá to nói: Như vậy, tôi gắp trước hay gắp sau, thì trước sau gì, con cá to ở trong đĩa cũng về phần tôi rồi”.

Câu chuyện tiểu lâm mà Thầy Châu Lâm đã kể cho anh em chúng tôi nghe ngày ấy, thật dí dỏm mà thâm thúy. Dí dỏm, vì câu chuyện khiến cho ai nghe cũng đều bật cười, nhưng nó thâm thúy, vì nó là căn bệnh khó chữa của tất cả chúng ta, ấy là căn bệnh khôn ngoan vụn vặt, căn bệnh thời cơ, căn bệnh chập giựt, người ta đã chập giựt nhau để ăn, và đã đưa nhau vào bẫy sập lý luận để hơn thua nhau ngay trong một đĩa cá to nhỏ, tanh hôi!

Thầy Châu Lâm ơi, thân tứ đại của Thầy đã đi về nguyên uỷ, nhưng bản nguyện và hạo khí của Thầy vẫn còn đó với chúng tôi, và với trăng ngàn gió nội Thầy à!

Thích Thái Hòa

*Tưởng Niệm*  
*Trưởng Lão Hòa Thượng*  
*Thích Lương Phương Viện Chủ*  
*Tự Viện Phước Duyên – Huế*  
*(1933 - 2022)*

**Thân thế:**

Hòa thượng thế danh là Võ Tấn, sinh ngày 6 tháng 7 năm Giáp tuất (1933), tại làng Thành Công, Quảng Công, Quảng Điền, Thừa Thiên.

Thân Phụ là cụ Ông Võ Sử. Thân mẫu là cụ bà Trần Thị Châu và kế mẫu là cụ bà Lê Thị Đồi. Gia đình có ba anh em trai, Hòa thượng là anh trai đầu.

**Xuất gia tu học:**

Lúc mười một tuổi, mẫu thân qua đời, thân phụ sống trong cảnh gà trống nuôi con, nên bước thêm bước nữa. Từ ấu thời, Hòa thượng đã cảm nhận sự bất toàn của cuộc sống, hư huyền và cô

độc của kiếp người, nên lúc lên 13 tuổi, (1946), phát tâm xuất gia hành điệu với Hòa thượng Thích Đảnh Lễ, Giám tự Quốc tự Linh Mục - Huế.

Năm 1948, Hòa thượng Bồn sư khai sơn chùa Phước Duyên, bấy giờ Hòa thượng cũng theo Bồn sư vào chùa Phước Duyên tu học.

Năm 1950, được Bồn sư trao truyền Sa di Thập giới với pháp danh Nguyên Tiến, tự Lương Phương.

Năm 1952, được Bồn sư cho đến cư trú tại Tịnh xá của Cụ bà Thái Thúc Hoàn, ở làng Xuân Hòa để tụng kinh hôm sớm và thuận lợi cho việc theo học các cấp văn hóa phổ thông.

Kể từ thời gian này và về sau, Hòa thượng theo học cả hai chương trình Phật học ở Phật Học Đường Báo Quốc và thế học tại trường Trung học Bán Công và Hàm Nghi Huế, cho đến khi hoàn tất chương trình Tú tài của Phật học lần thế học.

Năm 1965, Hòa thượng được Bôn sư cho thọ Tỷ kheo, Bồ tát giới tại Đại giới đàn Vạn hạnh, tổ chức tại Tổ đình Từ Hiếu – Huế.

Năm 1967, theo học lớp chuyên khoa Phật học ngoại trú ở chùa Linh Quang Huế, do Hòa thượng Thích Mật Nguyện tổ chức và chủ giảng, đồng thời là thành viên trong giảng sư đoàn của Giáo hội.

**Trú trì và độ chúng:**

Năm 1968, Hòa thượng Bôn sư qua đời, bấy giờ Hòa thượng vào chùa Phước Duyên đảm nhiệm Trú trì tiếp Tăng độ chúng, trông xem các Phật sự. Chính trang lại chùa chiền bị hư hại trong biến cố Mậu thân 1968. Chủ trương canh tác ruộng vườn, tự lực kinh tế, sống nếp sống thiểu dục tri túc.

Năm 1970, Hòa thượng trùng tu Khách đường.

Năm 1999, trận đại hồng thủy ở miền Trung, nhất là ở Thừa Thiên- Huế bị thiệt hại nặng nề, cơ

sở vật chất của tự viện bị xuống cấp trầm trọng, nên năm 2000, Hòa thượng quyết định đại trùng ngôi Chánh điện và công Tam quan.

Năm 2007, xây dựng Tầng Kinh Các để lưu giữ Tam tạng Thánh giáo.

Năm 2010, xây dựng Hậu đường và tiếp theo là xây dựng khu Tịnh Quang Thiền đường, khu Tăng xá, khu trai đường, Đoàn quán GDPT và Học đường Từ Thiện tiếng Anh...

Năm 2014, xây dựng khu Tịnh Nhân Thiền đường, gồm Khất thực đường, Cư xá, Giảng đường, Mạn-đà-la Ngũ phương Phật, Thư viện, Địa tạng lâu các, Tây phương Tam thánh lâu các, hồ tâm...

### **Tu tập và hoằng pháp:**

Hòa thượng tu tập theo pháp môn trì danh niệm Phật, thường là mật niệm và thường hành trì thần chú Chuẩn đề. Khiêm cung và hỷ xả là một



trong những hạnh mà Hòa thượng thực hành rất miên mật, nên trong ứng xử hàng ngày Hòa thượng thường thể hiện tâm kính trên nhường dưới, vì vậy mà rất được mọi thành phần từ Tăng sĩ đến xã hội phần nhiều đều thương quý.

Hòa thượng thường giúp cho các trẻ em khó nuôi, khóc dạ đề đều được an ổn qua sự trì niệm minh chú.

Tuy không chủ giảng các lớp học và đạo tràng tu học tại chùa, nhưng Hòa thượng luôn luôn hỗ trợ, tạo pháp lý và động viên cho các học chúng Chánh Niệm, Thanh Tuệ, GDPT, Chánh Tâm, Văn Thù, Chuyển Dịch, Thiện Tài Đồng Tử, Đạo Tràng Sám Hối, Đạo Tràng Tịnh Độ... tu học qua hạnh nguyện Bồ đề bằng thân giáo.

Hòa thượng cũng từng làm Giáo thọ sư cho các Giới đàn tổ chức tại Tổ đình Từ Hiếu và Quốc Ân cho hàng trăm giới tử.

Đối với đồ chúng xuất gia Hòa thượng đã thể độ và tác thành gần hai mươi vị, gồm Hòa thượng Thích Thái Thuận – Thích Thái Hòa – Thích Thái Nguyên... Đối với hàng cư sĩ, Hòa thượng quy y trên dưới vạn người.

Hòa thượng là một trong những niên trưởng và thành viên quản trị Tổ đình Từ Hiếu và đồng thời cũng là thành viên trong Hội Đồng Tăng Già Bản Thệ.

### **Những ngày cuối cùng:**

Câu nói nổi tiếng của Hòa thượng rất được nhiều giới truyền tụng: “Già rồi ngồi lại một bên, để cho con trẻ tiến lên cho kịp thời”.

Mùa an cư 2014, Hòa thượng tập họp đồ chúng và tuyên bố, ngài tuổi già sức yếu, chỉ muốn yên tĩnh tu tập để đợi ngày về với Phật, giao chức vụ Trụ trì chùa cho Thầy Thái Hòa đảm nhiệm và Hòa thượng chỉ làm Viện chủ danh dự mà thôi.

Năm 2018, Hòa thượng tổ chức kỷ niệm 50 năm, ngày Tổ sư húy thượng Tâm hạ Ứng hiệu Đảnh Lễ, khai sơn tự viện Phước Duyên viên tịch và khánh tạ trùng kiến thành tựu hoàn toàn ngôi Phạm vũ.

Năm 2021, có chút bệnh duyên, chân tay yếu không tự đi lại được, nhưng các căn vẫn thông lợi. Hòa thượng đã được các môn hạ chăm sóc chu đáo trong những ngày bệnh duyên và đã vượt qua năm uẩn đi về với Phật A Di Đà một cách nhẹ nhàng, như sương về với nắng ấm, vào lúc 5 giờ 30 phút sáng, ngày 26 tháng 3 năm Nhâm Dần, nhằm ngày 26 tháng 4 năm 2022. Trụ thế 89 năm, 78 năm xuất gia, 57 giới lạp.

**Thiết niệm:**

Tôn sư theo nguyện      Hóa duyên phương tiện  
Đến đi tùy duyên      Đạo hợp chân nguyên  
Tảo tâm bất quyện      Tử sinh đối diện  
Tảo địa cần chuyên.      Năm uẩn đồng tuyên.  
Khiêm cung thường hiện      Thấu triệt lý huyền  
Giản dị u huyền      Tâm minh trí kiện  
Phát huy tự viện      Tính tự bản nhiên  
Đúng pháp Phật truyền.      Thủ xả theo nguyện.  
Toàn thể Môn đồ tứ chúng, đốt Giới-Định-Tuệ  
chơn hương, cúi đầu tưởng niệm, ngưỡng nguyện  
Tôn sư phủ thùy chứng giám.

Ngày 15 tháng 5, Nhâm Dần (Ngày 13/6/2022).

Phụng soạn

Đệ tử: Tỷ kheo Thích Thái Hòa

**Các Lệnh Truy Nã Hòa thượng  
Thích Đảnh Lễ Trong Pháp Nạn 1963**

**Việt Nam Cộng Hòa**

**Tỉnh Thừa Thiên  
Số 5250/TT/ĐA/PM  
Thành Phố Huế**

**Báo Thị Tầm Nã**

Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, Thị Trưởng thành phố Huế, yêu cầu các cơ quan hữu trách, cho truy tầm và dẫn giải đến Tòa Hành Chính Tỉnh hoặc Ty Cảnh Sát Quốc Gia Thừa Thiên:

Ông Võ Đức Phú, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1905

Tại thôn Thành Công, quận Hương Điền, Thừa Thiên, con ông Võ Lăng (c) và bà Nguyễn Thị Diên (c).

Nguyên trú trì chùa Phước Duyên, thôn An Ninh Thượng, xã Hương Long, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.

Căn cước số 076527, cấp ngày 04-5-1962 tại Hương Trà.

Đặc điểm nhận dạng:

-Cao 1 thước 65

-Nặng 41 kg

-Châm cà phê cách phân dưới khoé mắt trái.

Lý do tâm nã: Liên can trong vụ điếu Bùi Huy Chương, chết thiêu tại chùa Phước Duyên ngày 13/8/1963.

Huế, ngày 28 tháng 9 năm 1963

K.T.Tỉnh Trưởng Thừa Thiên

Thiếu tá: Nguyễn Phu

Phó Tỉnh Trưởng Nội An

(ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

Đại úy, Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An

Ty Trưởng Cảnh Sát Quốc Gia Thành Phố Huế.

Quận Trưởng Hành Chánh Thuộc Tỉnh

Quận Trưởng Cảnh Sát Thuộc Thành Phố

Thái Viên Hành Chánh Phú Thứ, Nam Đông và  
Bạch Mã

Trung Đội Trưởng Hiến Binh Q/C/T/B Huế và  
Tỉnh Thừa Thiên

“để cho tâm nã”,

đồng sao kính gửi,

Ông giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia

Tỉnh Trưởng Thị Trưởng Toàn Quốc

Trưởng Ty Tiểu Khu Trưởng, Tiểu Khu Thừa  
Thiên “kính nhờ tâm nã”.

\*

**Việt Nam Cộng Hòa**

Huế, ngày 13/9/1963

**Nha CSQG Miền Bắc**

**Trưởng Ty Cảnh Sát Quốc Gia T.T T.N.T.P**

Số: 263-6903/4

Kính gửi: Thiếu Tá Tỉnh Trưởng Tỉnh Thừa Thiên Huế, Thị Trưởng Thành Phố Huế

Trích yếu: V/V xin truy tầm ông Võ Đức Phú tức Thích Đảnh Lễ (chứ không phải Nguyễn Đức Phú)

Tham chiếu: Mật văn số 9049 ngày 9/8/1963 của Ty Tôi.

Trân trọng kính trình quý tỉnh, quý nha cho ban hành lệnh.

Truy tầm ông Võ Đức Phú - tức Thích Đảnh Lễ, (xin đính chính Võ Đức Phú - tức Thích Đảnh

Lễ, chứ không phải Nguyễn Đức Phú như Ty Tôi đã trình bày tại mật văn chiếu thượng). Trú trì chùa Phước Duyên, ngày sinh 20/5/1905, tại Thành Công, Hương Điền, Thừa Thiên, trú tại chùa Phước Duyên, thôn An Ninh Thượng, xã Hương Long, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Con ông Võ Lãng(c) và bà Nguyễn Thị Diên(c), thẻ căn cước số 076527 cấp ngày 4/5/1962, tại quận Hương Trà, vì đương sự đã liên can trong vụ án mạng tại chùa nói trên, hiện tại đào.

-Đặc điểm: Cao 1 thước 65, nặng 41 kg có chàm cà phê cách 2 phân dưới khóe ngoài mắt trái.

Trường hợp bắt gặp xin cho giải giáo đến Ty Tôi nhận hành.

Vậy, Ty Tôi xin kính đính hậu một tấm ảnh (cỡ 15x9) của ông Võ Đức Phú, kính trình bày quý Tỉnh, quý Nha thẩm hành.

Ký tên và đóng dấu:  
Lê Văn Dur



**Các Bức Thư Của Đại Đức**

**Thích Thanh Tuệ**

**Phật Giáo Việt Nam Phật Lịch 2507**

**Sông Bạch Yến**

**Núi Thiên Mục**

**Chùa Phước Duyên, Huế**

Kính gửi: Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo

Kính nhờ quý ban đệ trình đến ông Ngô Đình Diệm, vị tổng thống Thiên Chúa Giáo tại Sài Gòn.

Tôi tăng sinh Thích Thanh Tuệ, 17 tuổi, kính gửi đến ông những nguyện vọng độc nhất trước khi tôi về cõi Phật.

1. Hãy chấm dứt mọi tình trạng khủng bố và áp bức Phật giáo đồ, và trả gấp tất cả những Phật tử bị bắt giam, kể từ ngày 8/5/1963 đến nay.

2. Hãy giải quyết thỏa đáng gấp những nguyện vọng của phật giáo đồ đã nêu trong các biểu ngữ.

3. Triệt để không cho bà Ngô Đình Nhu lên đài phát thanh tiếng nói Việt Nam Cộng Hòa để nhục mạ Phật giáo và báng bổ cố Hòa thượng Thích Quảng Đức, vì như vậy không làm giảm giá trị của Phật giáo, mà trái lại gây sự căm phẫn trong quần chúng.

Tuy nhiên, bà Ngô Đình Nhu là ân nhân của Phật giáo, đối với tôi cũng như toàn thể phật giáo đồ. Chúng tôi xem bà là Đề-Bà-Đạt-Đa hội Phật còn tại thế.

Kính,

Ký tên: Thích Thanh Tuệ.

**Phật Giáo Việt Nam Phật Lịch: 2507**

**Sông Bạch Yến**

**Núi Thiên Mục**

**Chùa Phước Duyên-Huế**

Kính gửi:

Hai Thầy và toàn thể đạo hữu chùa Phước  
Duyên

Trước khi về cõi Phật, tôi kính cần chào quý  
thầy và đạo hữu ở lại được mạnh giỏi để phụng sự  
đạo pháp, noi gương tinh thần vô úy của Cố Hòa  
thượng Thích Quảng Đức.

Kính,

Thích Thanh Tuệ

Pháp Danh Quảng Trí.

## **Phật Giáo Việt Nam Phật Lịch 2507**

**Sông Bạch Yến**

**Núi Thiên Mụ**

**Chùa Phước Duyên-Huế**

Kính gửi: Toàn thể Tăng Ni, tín Đồ Phật Giáo trong toàn cõi Việt Nam.

Trước khi về cõi Phật, tôi trân trọng kính gửi đến quý Ngài lời chào tối hậu, và tôi xin thành kính cầu nguyện hồng ân Tam Bảo, Bồ Tát Quảng Đức, liệt vị Thánh Tử Đạo gia hộ quý Ngài pháp thể khinh an, để đoàn kết chặt chẽ sau lưng Hòa thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, tranh đấu cho nền tín ngưỡng của dân tộc, và yêu cầu chính phủ thực thi những nguyện vọng tối thiểu mà quý Ngài đã ghi trong các biểu ngữ và trong các báo chí Phật giáo.

Kính,

Thích Thanh Tuệ

## **Phật Giáo Việt Nam Phật Lịch 2507**

**Sông Bạch Yến**

**Núi Thiên Mục**

**Chùa Phước Duyên-Huế**

Một giờ sáng ngày 24 tháng 6 Âm Lịch  
(13.8.1963)

Kính gửi: Ông Bùi Dư

Thôn Ba Khê, xã Hải Thượng, quận Hải  
Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Kính thưa cậu, hai anh, ba chị em con và các  
cháu,

Thưa Cậu, con đã có ý thức được sự tồn  
vong của đạo pháp, con hy sinh bản thân con để  
làm tròn phận sự người xuất gia, cái chết, là một  
đĩ nhiên của tất cả mọi người và sinh vật, Cậu  
không nên buồn.

Con chết đi, Cậu phải đương đầu với mọi đe  
dọa, nhưng Cậu đừng sợ, đừng xiêu lòng, khi họ  
dùng nhiều mách lới khác, mà Cậu phải hy sinh  
hoàn toàn cho Phật giáo, dù cho bản thân tứ đại

Cậu phải diệt vong.

Lần cuối cùng, con kính lời đến gia đình con quý bác, chú, thím, cô, cậu, mợ và quý anh chị em họ hàng bá thúc nội ngoại xa gần, lời chào vĩnh biệt, trước khi con về cõi Phật.

Kính,

Con: Bùi Huy Chương

Thích Thanh Tuệ

**Bức Thư Của Ông Bùi Dư,  
Thân Sinh Của Đại Đức Thích Thanh Tuệ**

Kính gửi Ngài Hòa thượng Hội Chủ Tổng  
Hội Phật Giáo Việt Nam

Kính Bạch Ngài!

Tôi có một đứa con tên là Bùi Huy Chương,  
17 tuổi, pháp danh Thích Thanh Tuệ, hiệu Quảng  
Trí, xuất gia đã gần ba năm nay, con tôi vì pháp  
nạn mà phát nguyện tự thiêu để cúng dường chư  
phật và để bảo tồn chánh pháp, khi còn nhỏ thì  
con của tôi, nhưng khi xuất gia thì thuộc về con  
của Giáo hội, nay nó chết cũng xin nhờ Giáo hội  
trộn quyền lo việc tẩm liệm và mai táng, còn  
chính quyền có thắc mắc điều chi, thì tôi nhờ giáo  
hội, chứ tôi không biết.

Mong đợi ân Hòa Thượng.

Quảng Trí, ngày 13 tháng 8 năm 1963

Nay kính,

Bùi Dư

(chữ ký hán)

Sao y bản chánh

K.T. Văn Phòng Đại Diện

Thích Thiện Siêu

Vi tính: Tuệ Nguyên

Chính tả: Bảo Nguyên

Bìa: Bảo An

Công ản: Nhuận Pháp Nguyên